

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THÀNH CHUNG

**ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN THEO PHÁP
LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỰ THỰC TIỄN TỈNH
QUẢNG NINH**

Ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 8380104

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS Trần Văn Độ

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả trong luận văn là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với những đề tài khác trong cùng lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo chính xác và trung thực. Các kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thành Chung

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM..... | 6 |
| 1.1. Khái niệm, đặc điểm áp dụng hình phạt tù có thời hạn..... | 6 |
| 1.2. Nội dung áp dụng hình phạt tù có thời hạn. | 14 |
| 1.3. Ý nghĩa của áp dụng hình phạt tù có thời hạn..... | 29 |
| Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN CỦA CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH..... | 33 |
| 2.1. Khái quát tình hình tội phạm, tình hình thụ lý, xét xử ở tỉnh Quảng Ninh | 33 |
| 2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. | 38 |
| Chương 3: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN..... | 59 |
| 3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn. | 59 |
| 3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn. | 64 |
| KẾT LUẬN | 74 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 76 |

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

1. ADPL : Áp dụng pháp luật
2. BLHS : Bộ luật Hình sự
3. BLTTHS : Bộ luật Tố tụng Hình sự
4. HĐXX : Hội đồng xét xử
5. TAND : Tòa án nhân dân
6. TANDTC : Tòa án nhân dân tối cao
7. TANDCC : Tòa án nhân dân cấp cao
8. XHCN : Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

| Số hiệu bảng | Tên bảng |
|---------------------|--|
| 2.1 | Số lượng các vụ án, bị cáo đã thụ lý của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh |
| 2.2 | Số liệu kết quả xét xử của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh |
| 2.3 | Số liệu các tội tội phạm thường thực hiện |
| 2.4 | Số liệu các hình phạt chính được áp dụng của tòa án |
| 2.5 | Số liệu áp dụng hình phạt tù có thời hạn |
| 2.6 | Số liệu nhân thân của bị cáo |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Để đảm bảo sự ổn định và phát triển của đất nước, ngoài việc sử dụng các biện pháp: kinh tế, chính trị, giáo dục... Nhà nước còn phải sử dụng biện pháp pháp lý mà cụ thể là sử dụng các hình phạt đặc biệt là hình phạt tù để trừng trị, răn đe những người đã thực hiện hành vi phạm tội và qua đó giáo dục người dân nâng cao ý thức pháp luật.

Hình phạt tù trong đó bao gồm hình phạt tù có thời hạn là một trong số 07 hình phạt chính theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam (Điều 32 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017). Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định. Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm...”* [22]. Như vậy, hình phạt tù có thời hạn là thực hiện việc cách ly người phạm tội ra khỏi đời sống cộng đồng trong một khoảng thời gian nhất định. Đây là một hình phạt nghiêm khắc, nó tước bỏ quyền tự do của người phải chấp hành hình phạt trong khoảng thời gian nhất định. Do đó, để đạt được mục đích trừng trị người phạm tội và giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa họ phạm tội mới cũng như giáo dục họ tôn trọng pháp luật thì cách vận dụng các quy định của pháp luật hình sự để áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của người vi phạm là rất quan trọng.

Tỉnh Quảng Ninh thuộc khu vực miền núi Đông Bắc Bắc Bộ, phía Bắc của tỉnh có 132,8km đường biên giới với nước Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa với cửa khẩu lớn như Cửa khẩu Hữu Nghị, phía Đông giáp Vịnh Bắc bộ, phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương và phía nam giáp thành phố Hải Phòng. Quảng Ninh còn là tỉnh có địa chất đặc biệt với trữ lượng than đá cao nhất cả nước nói riêng cũng như nhất trong khu vực nói chung. Vì vậy, Quảng Ninh đã thu hút được rất nhiều lao động từ các tỉnh lân cận cũng như

các tỉnh khác trên cả nước tới làm việc, sinh sống. Nhưng vài năm trở lại đây, trữ lượng than đá giảm đi đáng kể, cộng với sự vào cuộc của các cơ quan chức năng, việc khai thác khoáng sản trái phép giảm đi nên tội phạm lại gia tăng do phần lớn người phạm tội thất nghiệp, không có công ăn việc làm, chuyển hướng làm ăn và phạm tội khác, số người bị kết án tù có thời hạn tương đối lớn. Tuy nhiên, ngoài kết quả tích cực đã đạt được, hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn của hệ thống tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn bộc lộ hạn chế, như: Sự không thống nhất khi xác định tình chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; một số trường hợp áp dụng chưa đúng các điều, khoản của Bộ luật hình sự; áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chưa phù hợp dẫn đến xử quá nhẹ hoặc quá nặng, cho hưởng án treo không phù hợp.

Từ thực trạng đó, tác giả muốn góp một phần để làm phong phú và hoàn thiện lý luận về áp dụng hình phạt tù có thời hạn, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong công tác xét xử, hoàn thiện quy định của pháp luật về áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Vì vậy, tác giả chọn đề tài: "**Áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh**" để viết luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Áp dụng hình phạt nói chung và Áp dụng hình phạt tù có thời hạn nói riêng trong xét xử các vụ án hình sự luôn là chủ đề quan tâm của nhiều học giả. Trong những năm qua, có nhiều công trình nghiên cứu được công bố có nội dung liên quan đến đề tài Áp dụng hình phạt tù có thời hạn, có thể nêu một số công trình như sau: Luận án tiến sĩ của tác giả Chu Thị Thu Trang: "*Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam*", năm 2009; Luận văn thạc sĩ của tác giả Võ Hồng Nam ; "*Hình phạt tù có thời hạn theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử thành phố Hồ Chí Minh*", năm 2014; Luận văn thạc sĩ của tác giả Hoàng Văn Huyền: "*Áp dụng hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Việt Yên,*

tỉnh Bắc Giang”, năm 2016; Luận văn thạc sĩ của tác giả Đinh Tấn Long: “*Áp dụng hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam*”, năm 2017... Các công trình nghiên cứu khoa học nêu trên là tài liệu bổ ích, có giá trị sử dụng trong quá trình nghiên cứu, gợi mở cho tác giả những ý tưởng khoa học. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu độc lập về hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn của một cơ quan Tòa án cụ thể là các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Vì vậy, việc nghiên cứu về hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo pháp luật hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh sẽ - sẽ mang tới những cái nhìn mới mẻ về vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt tù có thời hạn, thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm 2013 đến năm 2017, Luận văn đề xuất các giải pháp bảo đảm áp dụng hình phạt tù có thời hạn của hệ thống tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ninh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu nêu trên, bản thân tác giả đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về áp dụng hình phạt tù: Khái niệm, đặc điểm, nội dung và ý nghĩa của áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh từ năm 2013 đến năm 2017, tìm ra những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân.

- Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn liên quan trực tiếp đến việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong công tác xét xử của tòa án trên cơ sở thực tiễn ở các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong thời gian 05 năm, từ năm 2013 đến năm 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận

Luận văn giải quyết các nội dung khoa học của đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng của Triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về tội phạm, hình phạt, quyết định hình phạt, về đấu tranh phòng và chống tội phạm và bảo vệ quyền con người.

5.1 Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê; phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp logic, phương pháp khảo sát, thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận:

Đây là công trình nghiên cứu khoa học đề cập tương đối có hệ thống và toàn diện về áp dụng hình phạt tù có thời hạn thông qua thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm cơ sở lý luận về áp

dụng hình phạt tù có thời hạn trong việc xét xử các vụ án hình sự, nâng cao nhận thức của những người thực hiện công tác xét xử trong hệ thống tòa án. Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần làm phong phú thêm cơ sở khoa học về áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong công tác xét xử các vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu có thể được Tòa án các cấp tham khảo để áp dụng đúng hình phạt tù có thời hạn trong xét xử, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được cơ cấu thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Chương 3: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đặc điểm áp dụng hình phạt tù có thời hạn

1.1.1. Khái niệm áp dụng hình phạt tù có thời hạn:

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội để tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của người, pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội, mà còn đồng thời giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật; ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Trong luật hình sự Việt Nam, hệ thống hình phạt bao gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Theo Điều 32 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, hình phạt chính gồm: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Hình phạt tù có thời hạn là buộc người bị kết án cách ly (chấp hành hình phạt tại trại giam) trong một khoảng thời gian nhất định từ ba tháng đến 20 năm, để giáo dục, cải tạo người phạm tội và người khác, bảo vệ công bằng xã hội. Như vậy, thực chất tù có thời hạn là cách ly người phạm tội ra khỏi môi trường xã hội bình thường họ đã sống để giáo dục cải tạo. Trong thời gian bị cách ly họ bị tước một số quyền, như: Quyền tự do đi lại, tự do kinh doanh, quyền bầu cử... Nghiên cứu phân các tội phạm của Bộ luật Hình sự có thể thấy tù có thời hạn là hình phạt có tính phổ biến và thông dụng nhất.

Do tính cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc, cho nên hình phạt nói chung, phạt tù có thời hạn rời riêng được Tòa án quyết định áp dụng thông qua hoạt động xét xử của Tòa án. Hoạt động xét xử của Tòa án phải tuân thủ nghiêm

theo quy định của BLTTHS từ khi thụ lý hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và ra bản án, quyết định. Khi xét xử phải tuân thủ các nguyên tắc: Nguyên tắc khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật; xét xử tập thể và biểu quyết theo đa số... Kết quả sau quá trình xét hỏi các bị can trong vụ án, tòa án phải ra quyết định đối với hành vi phạm tội đã được tranh luận tại phiên tòa. Căn cứ để ra quyết định hình phạt được quy định tại Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 *“Khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự”* [22].

Áp dụng hình phạt là hoạt động tư duy của HĐXX được thực hiện ngay sau khi đã xác định tội danh đối với hành vi phạm tội. Nếu định tội danh được coi là cơ sở cho việc quyết định hình phạt thì quyết định hình phạt là kết quả cuối cùng của hoạt động xét xử vụ án hình sự. Để lựa chọn hình phạt chính xác HĐXX phải căn cứ hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, xác định các tình tiết của vụ án và nhận thức đầy đủ quy định của Bộ luật hình sự. Như vậy, áp dụng hình phạt là hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước, được thực hiện thông qua HĐXX là những người được Nhà nước trao quyền để xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án, từ đó lựa chọn hình phạt được quy định trong BLHS phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để ban hành quyết định, bản án đúng quy định, thấu tình, đạt lý.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm Áp dụng hình phạt tù có thời hạn:

Áp dụng hình phạt tù có thời hạn là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự tiếp theo sau khi định tội danh, thể hiện ở việc trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại Tòa, xác định các tình tiết của vụ án, nhận thức đầy đủ quy

định của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử lựa chọn mức hình phạt tù có thời hạn để áp dụng đối với người bị kết tội và ra phán quyết trong bản án kết tội về hình phạt đó.

1.1.2. Đặc điểm áp dụng hình phạt tù có thời hạn

- Là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự

Áp dụng pháp luật hình sự là một hình thức thực hiện pháp luật mà Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền tạo ra các quy định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật hình sự; trong một số trường hợp đặc biệt Nhà nước ủy quyền cho một số tổ chức chính trị xã hội được thực hiện hoạt động này; thực hiện các quy định của pháp luật. Để thực hiện mục đích duy trì trật tự xã hội, xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ thì không thể thiếu hệ thống pháp luật hình sự và sẽ không thể không có áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Với mỗi hành vi phạm tội thì tương ứng người phạm tội đều phải chịu những chế tài cụ thể. Để áp dụng hình phạt tù đối với người phạm tội thì cần phải hiểu rõ, hiểu đầy đủ các quy định về loại tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, những điều kiện để có thể áp dụng chế tài đối với hành vi đó và những tác động có liên quan về lĩnh vực xã hội học của hành vi phạm tội. Quá trình áp dụng hình phạt tù chính là quá trình đi từ hoạt động nhận thức quy định của pháp luật hình sự tới hoạt động thực tiễn của Tòa án và đó cũng chính là cá biệt hóa các quy định của pháp luật hình sự đối với người phạm tội. Áp dụng hình phạt là áp dụng pháp luật hình sự về chế tài, căn cứ vào cấu trúc của hình phạt để có thể thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật hình sự về chế tài hình sự mà cơ quan áp dụng chế tài hình sự đó là Tòa án và chỉ có Tòa án mới là cơ quan có thẩm quyền nhân danh Nhà nước để áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.

Khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn Tòa án cá biệt hóa các chế tài hình sự đối với người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể, trong những trường hợp đặc thù như các vụ án có đồng phạm, có người phạm nhiều tội... Cá biệt

hóa trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội còn phải được thể hiện khi Tòa án xét xử và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội thuộc trường hợp áp dụng hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự, trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tổng hợp hình phạt.

Đối với áp dụng hình phạt có nhiều hoạt động trong đó hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn là một trong những hoạt động cơ bản, quan trọng nhất trong tất cả các hoạt động áp dụng hình phạt. Mọi hoạt động khác của áp dụng pháp luật suy cho cùng chính là tập trung đến hoạt động áp dụng hình phạt. Để duy trì tính thượng tôn pháp luật trong thực tiễn thì áp dụng pháp luật không thể thiếu hoạt động áp dụng hình phạt của Tòa án. Thông qua hoạt động áp dụng hình phạt mà Nhà nước có thể ngày càng hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật. Do vậy, áp dụng hình phạt tù luôn là một trong những hoạt động cơ bản, quan trọng trong áp dụng pháp luật.

- *Chủ thể áp dụng hình phạt là Hội đồng xét xử:*

Tại Khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”* [17]. Quy định tại Điều 31 Hiến pháp và Điều 13 BLTTHS 2015 về quyền được suy đoán vô tội chỉ rõ *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật”*. Điều 30 BLHS quy định: *“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó”* [22].

Như vậy, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền tuyên bố một người có tội bằng một bản án kết tội và hình phạt chỉ được áp dụng đối với người bị kết tội. Do đó, Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền áp dụng hình phạt hay không

áp dụng hình phạt đối với người bị kết tội. Ngoài Tòa án, không cơ quan hay cá nhân nào có quyền áp dụng hình phạt đối với tổ chức, cá nhân.

Tòa án thực hiện quyền lực nhà nước thông qua phiên tòa xét xử, và kết quả của hoạt động xét xử là bản án do Hội đồng xét xử nhân danh nhà nước tuyên bố, quyết định một tổ chức, cá nhân có tội hay vô tội. Bản án thể hiện ý chí, thái độ của Nhà nước đối với hành vi của bị cáo và được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh của bộ máy nhà nước.

Như vậy, Chủ thể trực tiếp thực hiện quyền áp dụng hình phạt nói chung và áp dụng hình phạt tù nói riêng của Tòa án là Hội đồng xét xử. Điều 254 BLTTHS năm 2015 quy định: *"1. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm. Trường hợp vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì Hội đồng xét xử sơ thẩm có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm.*

Đối với vụ án có bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là tù chung thân, tử hình thì Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm.

2. Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba Thẩm phán." [20]

Đối với vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn, phiên tòa do một Thẩm phán tiến hành (khoản 1 Điều 463 BLTTHS).

Các bản án, quyết định của Hội đồng xét xử hình sự sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật ngay mà sau khi tuyên án một thời gian nhất định và hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mới có hiệu lực pháp luật. Đối với bản án, quyết định phúc thẩm thì có hiệu lực ngay kể từ ngày tuyên án, ra quyết định.

Về nguyên tắc khi xét xử theo Điều 23 BLTTHS quy định: *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm.*

Cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo

quy định của luật” [20]. Trong quá trình xét xử, Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đều thảo luận và quyết định theo đa số. Vì vậy, quyết định của Hội đồng xét xử là quyết định mang tính tập thể của đa số thành viên Hội đồng xét xử. Khi xét xử vụ án hình sự, Hội đồng xét xử không chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ được cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thu thập mà còn căn cứ vào quá trình thẩm tra, thẩm vấn, tranh tụng tại phiên tòa để đưa ra phán quyết phù hợp với hành vi do tổ chức, cá nhân đã thực hiện. Hoạt động áp dụng hình phạt tù của Hội đồng xét xử là trọng tâm của hoạt động tố tụng hình sự.

- Được thực hiện sau khi định tội danh.

Định tội danh là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật, tiền đề và cơ sở cho việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự khác. Định tội danh còn được hiểu là xác định sự phù hợp của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được tổ chức, cá nhân thực hiện với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm tương ứng được quy định trong pháp luật hình sự. Xem xét hành vi nguy hiểm được cá nhân, tổ chức thực hiện trong thực tế phù hợp với dấu hiệu của tội phạm cụ thể nào thuộc điều luật nào trong phần các tội phạm mà BLHS quy định. Định tội danh được thực hiện từ giai đoạn khởi tố vụ án đến khi xét xử giám đốc thẩm.

Khi xem xét định tội danh với tính chất là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự thì cần qua các bước sau: Thứ nhất: Xem xét, đánh giá các tình tiết của vụ án đã xảy ra trên thực tế. Trong trường hợp này người đánh giá phải thực hiện một cách khách quan, toàn diện, vô tư dựa trên những chứng cứ thu thập được và đánh giá trên cơ sở quy định của BLTTHS. Cần đánh giá tính độc lập của từng tình tiết trong vụ án để xác định nó là loại hành vi nào, tiếp theo đánh giá tính phù hợp của tình tiết đó với các tình tiết khác của vụ án để xác định rõ tính chất của nó trong cả quá trình giải quyết vụ án; Thứ hai: Phải nhận thức một cách thống nhất, chính xác nội dung các quy

phạm pháp luật hình sự phản ánh các dấu hiệu của cấu thành tội phạm về tội danh mà chủ thể áp dụng hướng tới lựa chọn. Các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm được quy định trong BLHS thường chỉ nêu khái quát những nét đặc trưng, phổ biến. Do đó, đòi hỏi trong quá trình áp dụng chủ thể định tội danh phải tư duy, đánh giá trên căn cứ khoa học và thực tế để đảm bảo tính thuyết phục; Thứ ba: So sánh các tình tiết xảy ra trên thực tế và các dấu hiệu của cấu thành tội phạm để xác định tội danh phù hợp với quy định của BLHS. Trên cơ sở đó chủ thể áp dụng pháp luật lựa chọn điểm, khoản phù hợp với hành vi trái pháp luật đã được thực hiện để xác định loại hình phạt, khung hình phạt; Thứ tư: Ra văn bản áp dụng pháp luật, trong đó xác định tội danh cần áp dụng đối với trường hợp phạm tội đã được thực hiện. Trên cơ sở xác định đúng tội danh, loại hình phạt và khung hình phạt, chủ thể áp dụng pháp luật mà cụ thể là thẩm phán, hội thẩm trong hội đồng xét xử nhận thức, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trong BLHS để đưa ra mức hình phạt phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi do tổ chức, cá nhân đã thực hiện. Vì vậy, hoạt động áp dụng hình phạt tù phải thực hiện sau khi định tội danh để đảm bảo tính chính xác của hình phạt, phù hợp với tính chất của hành vi phạm tội.

- Hình phạt được áp dụng: Tù có thời hạn.

Sau khi xác định được tội danh, dựa trên các tài liệu trong hồ sơ, kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử phải lựa chọn hình phạt để áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo bị đưa ra xét xử. Theo quy định của BLHS thì hình phạt gồm hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chính theo quy định tại Điều 32 BLHS bao gồm: Cảnh cáo, Phạt tiền, Cải tạo không giam giữ, Trục xuất, Tù có thời hạn, Tù chung thân và Tử hình. Hình phạt tù có thời hạn là hình phạt được lựa chọn để áp dụng. Tù có thời hạn được quy định tại Điều 38 BLHS: *“Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.*

Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.

Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù” [22].

Như vậy, đây là hình phạt tước tự do của người phạm tội trong khoảng thời gian nhất định. Trường hợp phạm một tội thì mức tối thiểu là 3 tháng còn tối đa là 20 năm. Đối với trường hợp phạm nhiều tội thì theo quy định tại Điều 55 BLHS trường hợp các hình phạt đã tuyên là tù có thời hạn thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung và không được vượt quá 30 năm. Qua thực tiễn xét xử của các tòa án nhân dân thì hình phạt tù là hình phạt được áp dụng phổ biến nhất.

- Văn bản áp dụng hình phạt: Bản án kết tội của Hội đồng xét xử.

Điều 13 BLTTHS quy định: *“Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” [20].* Hội đồng xét xử sau khi xem xét các tình tiết của vụ án và thống nhất về áp dụng hình phạt cho bị cáo thì cần phải có văn bản thể hiện việc Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho hành vi của bị cáo gây ra, cụ thể là bản án. Bản án phải ghi nhận đầy đủ quan điểm của những người tham gia tố tụng, nhận định của Hội đồng xét xử về việc xác định bị cáo có tội, tội gì, theo điểm, khoản, điều nào của BLHS và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt cụ thể được áp dụng. Khi lựa chọn áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì Hội đồng xét xử phải nhận định lý do áp dụng, mức hình phạt tù có thời hạn được áp dụng. Bản án chính là văn bản thể hiện rõ nét nhân tính quyền lực cũng như sự trừng phạt của nhà nước đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù cho hành vi trái pháp luật mà mình đã thực hiện. Từ trước năm 2017, cách thức viết bản án, các nội dung cần thể hiện trong bản án hình sự được nêu khái quát trong BLHS, các nghị quyết hướng dẫn thi hành BLHS cũng như lồng ghép trong các

chương trình tập huấn do tòa án các cấp tổ chức. Tuy nhiên, từ năm 2017 Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức riêng các cuộc họp chỉ hướng dẫn về cách viết bản án, trình bày bản án cho phù hợp với quy định, đảm bảo đầy đủ về nội dung và hình thức. Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 07 năm 2017 Ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật tố tụng hình sự; Văn bản số 155/TANDTC – PC ngày 28 tháng 07 năm 2017 về việc áp dụng thống nhất thể thức và kỹ thuật trình bày các văn bản tố tụng trong đó có bản án.

1.2. Nội dung áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

1.2.1. Xác định các tình tiết có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt

- Xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện.

Theo pháp luật hình sự Việt Nam, tội phạm là “hành vi nguy hiểm cho xã hội”. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm là đặc điểm cơ bản, là thuộc tính khách quan thể hiện bản chất xã hội của mỗi hành vi phạm tội cụ thể được thực hiện. Có nghĩa tội phạm mang tính chất nguy hiểm cho xã hội vì bản thân nó gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội đang được Luật hình sự bảo vệ. Tính chất nguy hiểm của tội phạm được xác định bởi tổng thể các tình tiết khác nhau của vụ án, trong đó quan trọng nhất là tính chất, tầm quan trọng và ý nghĩa của những quan hệ xã hội bị hành vi phạm tội xâm hại. Theo Điều 123 BLHS quy định về Tội giết người thì khung hình phạt cao nhất tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; Điều 134 quy định về Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác khung hình phạt cao nhất tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Sự khác nhau ở khung hình phạt của hai tội phạm này có sự khác nhau là do tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện là khác nhau. Bởi khách thể của tội giết người là quyền sống, quyền được tôn trọng và bảo vệ tính mạng. Còn khách thể của Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

là quyền được tôn trọng và bảo vệ về sức khỏe.

Trong quá trình quyết định hình phạt, Tòa án cần phải chỉ ra trong bản án những tình tiết cụ thể chứng minh tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cụ thể mà Tòa án sử dụng làm căn cứ để chọn loại và mức hình phạt cụ thể để áp dụng đối với bị cáo. Theo hướng dẫn cách viết bản án thì phần lập luận viện dẫn căn cứ để áp dụng hình phạt được thể hiện trong phần “Nhận định của tòa án” trong bản án hình sự.

Khi xác định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cụ thể phải xuất phát từ tổng thể các tình tiết mà ở đó tội phạm cụ thể đã được thực hiện. Trong một số trường hợp các tình tiết như: thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, hậu quả, phương pháp, phương tiện thực hiện tội phạm được nhà làm luật quy định là những dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Trong những trường hợp đó, những tình tiết nói trên có ảnh hưởng ở một mức độ nhất định đến việc quyết định hình phạt. Trường hợp những tình tiết nói trên không được các nhà làm luật quy định là những dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì chúng không có ý nghĩa đối với việc định tội danh, nhưng có ý nghĩa rất lớn trong việc quyết định hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, trong mọi trường hợp, cần phải xác định và cân nhắc các tình tiết đó để có căn cứ đầy đủ cho việc quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Một yếu tố nữa gây ảnh hưởng tới việc quyết định hình phạt đó là hậu quả do tội phạm gây ra. Hậu quả đó phải là hậu quả nguy hiểm. Hậu quả nguy hiểm có thể được chia làm hai nhóm: các hậu quả được quy định với tính cách là một yếu tố của cấu thành tội phạm và các hậu quả không được quy định là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Khi hậu quả được quy định là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì chúng không được coi là dấu hiệu tăng nặng. Các hậu quả không được luật quy định là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quyết định hình phạt. Hậu quả do tội phạm gây ra bao gồm cả những thiệt hại về vật chất lẫn những thiệt hại về các mặt khác.

Mức độ nghiêm trọng của hậu quả do tội phạm gây ra ảnh hưởng đến mức độ nghiêm khắc của hình phạt được quyết định.

Tiếp đó, để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện cần xác định các loại và mức độ của lỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm. Trong BLHS, thông thường, các tội cố ý và vô ý được quy định độc lập và có chế tài khác nhau. Tuy nhiên, vẫn còn có một số tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý (Ví dụ, Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ quy định tại Điều 127 BLHS). Trong trường hợp này, tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý sẽ được đánh giá có tính nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với trường hợp được thực hiện do lỗi vô ý và hình phạt được áp dụng nghiêm khắc hơn. Trong cùng hoàn cảnh, điều kiện giống nhau, nếu tội phạm được thực hiện do cố ý cần được xác định sẽ nguy hiểm hơn tội phạm được thực hiện do lỗi vô ý, nên hình phạt đối với hành vi do lỗi cố ý nghiêm khắc hơn trường hợp phạm tội do lỗi vô ý.

Ngoài ra, còn phải xác định và cân nhắc mức độ lỗi của bị cáo trong những trường hợp phạm tội cụ thể. Vì cùng một loại lỗi nhưng mức độ thể hiện của nó cũng khác nhau, nên có ảnh hưởng khác nhau đến việc quyết định hình phạt. Mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội có ảnh hưởng lớn đến mức độ lỗi của người phạm tội. Điều đó cũng có nghĩa giữa tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đã thực hiện và mức độ lỗi có tồn tại mối quan hệ trực tiếp và mối quan hệ đó được thể hiện ở chỗ hành vi phạm tội đã thực hiện càng nguy hiểm thì mức độ lỗi của chủ thể càng lớn, và do đó mức hình phạt được quyết định càng phải nghiêm khắc.

Động cơ và mục đích cả trong trường hợp được luật quy định là những tình tiết tăng nặng lẫn trong trường hợp luật quy định là những tình tiết giảm nhẹ, ảnh hưởng đáng kể đến mức độ lỗi và do vậy, cũng ảnh hưởng đến mức hình phạt được quyết định. Nhiệm vụ của Tòa án là phải làm sáng tỏ mục đích, động cơ của tội phạm đã thực hiện vì xét đến cùng chúng có ý nghĩa đối với

việc quyết định hình phạt. Bởi lẽ, có những động cơ, mục đích phạm tội gây lên sự công phẫn lớn cho xã hội, làm tăng nặng mức hình phạt, ngược lại có những động cơ, mục đích làm giảm nhẹ lỗi của bị cáo và làm giảm nhẹ mức hình phạt.

Trong thực tiễn cuộc sống và qua thực tiễn xét xử, người thực hiện hành vi phạm tội bởi những động cơ, mục đích khác nhau. Yêu cầu đối với Tòa án là phải xác định được động cơ, mục đích của người thực hiện hành vi phạm tội và phải nhận định rõ trong bản án.

Từ những căn cứ trên, có thể thấy việc xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quyết định hình phạt. Tòa án khi xác định tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện ngoài việc xem xét một cách độc lập tình tiết của vụ án còn phải xem xét mối liên hệ giữa các tình tiết, dấu hiệu của vụ án để quyết định hình phạt tù có thời hạn phù hợp, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và sự khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

- Xác định nhân thân người bị kết tội.

Theo khoản 1 Điều 8 BLHS năm 1999, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Như vậy, nói đến nhân thân người phạm tội là nói đến nhân thân của một con người cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, đến BLHS năm 2015 chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được mở rộng, phù hợp với thực tế chung và xu hướng phát triển. Cụ thể theo khoản 1 Điều BLHS năm 2015, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý. Chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được mở rộng bao gồm cả pháp nhân thương mại. Nhưng khi xem xét quyết định hình phạt đối với pháp nhân theo Điều 83 BLHS năm 2015 thì ngoài căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự thì tòa án phải căn cứ vào việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại mà không đưa ra yếu tố “nhân thân”. Ngoài ra, xem xét hình phạt sẽ được áp dụng cho pháp nhân thương mại trong các tội phạm mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự không có hình phạt tù có thời hạn. Do đó, khi đặt ra vấn đề xác định nhân thân của người bị kết tội cần được hiểu là xác định nhân thân của con người cụ thể, có tổng hợp các đặc điểm về mặt sinh học và cả mặt xã hội như: Tuổi đời, trình độ văn hóa, lịch sử bản thân, hoàn cảnh gia đình... Hay có thể hiểu theo cách nhân thân là một khái niệm nhiều mặt, bao gồm những đặc điểm, đặc tính khác nhau thể hiện bản chất xã hội, thể hiện tính cá biệt và tính không lặp lại của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự coi là tội phạm.

Theo quy định của pháp luật, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải xác định, cân nhắc nhân thân người bị kết tội, tức là xem xét những đặc điểm, đặc tính nói trên, làm cơ sở cho việc xác định và đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của người bị kết tội. Những đặc điểm, đặc tính hoặc là đã được chỉ rõ trong luật (ở Điều 51 và 52 của BLHS năm 2015) hoặc là ở dạng luật cho phép Tòa án cân nhắc trong trường hợp những đặc điểm, đặc tính ấy không được chỉ ra trong luật, nhưng chúng có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt. Mỗi đặc điểm, đặc tính có ý nghĩa khác nhau đối với việc quyết định hình phạt và mức độ ảnh hưởng của mỗi đặc điểm, đặc tính ấy tùy thuộc vào việc nó được biểu hiện cụ thể như thế nào trong từng vụ án cụ thể.

Các đặc điểm nhân thân tác động lên việc quyết định hình phạt ở ba góc độ khác nhau như sau: Thứ nhất: Ảnh hưởng đến tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm như tái phạm, tái phạm nguy hiểm, phạm tội nhiều lần...; Thứ hai: Khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội để đạt được mục đích hình phạt như tái phạm, người chưa thành niên, người già... và thứ 3 là các đặc điểm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, sự đánh giá xã hội, sự "trả công" của Nhà nước như nhân thân tốt, phụ nữ có thai, người bị bệnh, người được khen thưởng...

Mục đích của việc xác định nhân thân người bị kết tội nhằm làm sáng tỏ các nguyên nhân, các điều kiện phạm tội, các điều kiện hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, cư xử, trình độ văn hoá, các mối quan hệ nói lên mặt tốt, mặt xấu của người phạm tội. Bởi những đặc điểm này ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt hay nói cách khác ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt tù của hội đồng xét xử. Những đặc điểm, đặc tính đó bao gồm: Sự cư xử trong cuộc sống, quan hệ với các thành viên trong gia đình, trong xã hội, các đồng nghiệp trong công tác, trong lao động, tinh thần, thái độ đối với công việc chung, tài sản chung, thái độ chấp hành kỷ luật, uy tín trong tập thể, lối sống, đạo đức, tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, thương binh, có người trong gia đình là liệt sĩ... Khi cân nhắc các đặc điểm, đặc tính đó, Tòa án phải ghi rõ trong bản án và nói rõ chúng có ảnh hưởng như thế nào đối với việc quyết định hình phạt.

Trong mỗi vụ án hình sự khác nhau, nhân thân người bị kết tội cũng có sự khác nhau. Vì vậy, trong mỗi vụ án Tòa án phải chỉ rõ các tình tiết chứng minh mức độ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người bị kết tội. Cụ thể là phải chỉ rõ các mặt tốt lẫn mặt xấu, mặt tiêu cực của người bị kết án. Trên cơ sở đó, Tòa án đối chiếu, so sánh giữa mặt xấu và mặt tốt để đưa ra loại hình phạt, mức hình phạt tù phù hợp.

Yêu cầu Tòa án phải xác định nhân thân người bị kết tội là một trong những biểu hiện của nguyên tắc nhân đạo, công bằng được thể hiện rõ trong Luật Hình sự, đã được thực tiễn xét xử khẳng định và ghi nhận. Khi Tòa án áp dụng đúng quy định này có ý nghĩa cải tạo, giáo dục và phòng ngừa rất lớn.

- Xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết khác nhau về tội phạm đã thực hiện, về nhân thân người phạm tội được quy định cụ thể trong luật hoặc không được quy định cụ thể trong luật nhưng được Tòa án cân nhắc với ý nghĩa làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội. Các tình tiết tăng nặng là những tình tiết khác nhau về tội phạm được

quy định cụ thể trong luật và có ý nghĩa làm tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 và 52 BLHS năm 2015. So với các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46, 48 BLHS năm 1999 thì các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định trong BLHS năm 2015 gia tăng nhiều hơn: Các tình tiết giảm nhẹ tăng 4, các tình tiết tăng nặng tăng 01.

Quá trình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự Tòa án phải tuân thủ nguyên tắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đã được quy định là dấu hiệu định tội hoặc định không hình phạt thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong khi áp dụng hình phạt tù. Tuy nhiên, Điều 51 BLHS 2015 đưa ra những quy định mở hơn, khi cho phép Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ. Quy định này mang lại “lợi ích lớn” cho người bị kết tội, họ có cơ hội được giảm mức hình phạt hay thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt, tạo điều kiện để bản thân họ sớm được tái hòa nhập cộng đồng, chung sức xây dựng gia đình. Trong một vụ án hình sự nếu có càng nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức độ giảm nhẹ của từng tình tiết càng lớn thì mức độ giảm nhẹ hình phạt càng lớn và trong một số trường hợp, có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất mà điều luật đã quy định, hoặc chuyển sang một loại hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, hoặc miễn hình phạt.

Quan thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử cho thấy rằng nhiều vụ án bao gồm cả tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp này, yêu cầu đặt ra là Tòa án phải đánh giá, cân nhắc các tình tiết đó để có thể quyết định một hình phạt công bằng, hợp lý, phù hợp với lỗi của người phạm tội. Nhưng thực tiễn xét xử cho thấy Tòa án thường gặp khó khăn lớn khi đánh giá, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự trong

những trường hợp đó. Do đó, trong trường hợp này cần phải đánh giá toàn diện, đầy đủ trong một tổng thể thống nhất cả các tình tiết giảm nhẹ lẫn các tình tiết tăng nặng. Không được đánh giá, xem xét một chiều các tình tiết đó. Việc đánh giá các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng một cách toàn diện, đầy đủ trong một tổng thể là cách tốt nhất để xác định có "trọng lượng", "ý nghĩa" của các tình tiết đối lập nhau khi quyết định hình phạt.

Vì vậy, xác định các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS có ý nghĩa pháp lý hết sức quan trọng trong quyết định hình phạt nhằm đảm bảo cho hình phạt được tuyên một cách công bằng, thể hiện sự tương xứng giữa mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội với mức độ TNHS được áp dụng.

1.2.2. Nhận thức các quy định của Bộ luật hình sự, cơ sở pháp lý của áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

- Nhận thức về hình phạt tù có thời hạn.

Về nội dung: Hình phạt tù có thời hạn là một trong số các hình phạt chính trong hệ thống hình phạt. Hình phạt này được quy định trong các chế tài đối với cấu thành tội phạm và được áp dụng phổ biến trong quá trình Tòa án xét xử tội phạm. Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định” [22]. Thực chất, hình phạt tù có thời hạn là việc bắt buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại trại giam, cách ly người phải chấp hành hình phạt khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo họ. Hay có thể hiểu một cách ngắn gọn đó là việc hình phạt tù có thời hạn là việc hạn chế một số quyền tự do của người phải thi hành án trong một khoảng thời gian nhất định và buộc họ phải lao động, học nghề, học văn hóa...theo quy định của pháp luật. Nội dung chủ yếu của hình phạt tù có thời hạn là là tước tự do của người bị kết tội và giáo dục cải tạo họ thành người có ích cho xã hội, ngoài ra nó cũng thể hiện nội dung trừng trị đối với người bị kết án.

Như vậy, thời hạn chấp hành hình phạt tù có thời hạn tối thiểu và tối đa

là bao lâu. Điều 38 BLHS năm 2015 quy định tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm. Trong mỗi cấu thành tội phạm của một tội phạm cụ thể thì mức thấp nhất của hình phạt tù có thời hạn không dưới 03 tháng và mức tối đa không vượt quá 20 năm. Như vậy, dù người phạm tội thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng đến đâu thì mức hình phạt mà hội đồng xét xử áp dụng không thể thấp hơn 3 tháng, nếu thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà không thuộc trường hợp tù chung thân, tử hình thì hội đồng xét xử chỉ có thể quyết định đến 20 năm. Tuy nhiên, trong trường hợp phạm nhiều tội và tổng hợp hình phạt của nhiều bản án thì mức hình phạt chung không được vượt quá 30 năm.

Hình phạt tù có thời hạn chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống hình phạt của luật hình sự. Trong phần các tội phạm, tù có thời hạn là hình phạt được quy định ở tất cả các điều luật và các cấu thành tội phạm. Thực tế xét xử tù có thời hạn là hình phạt được áp dụng phổ biến và được coi là hình phạt hữu hiệu nhất để đấu tranh phòng chống tội phạm. Tù có thời hạn chỉ được áp dụng trong trường hợp khi thấy cần thiết phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội trong khoảng thời gian nhất định. Trường hợp mục đích của hình phạt có thể đạt được mà không cần phải cách ly người phạm tội ra khỏi đời sống xã hội bình thường thì cần áp dụng hình phạt không phải hình phạt tù. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn khi khung hình phạt của điều luật mà người phạm tội bị kết án có quy định hình phạt này. Ngoài ra, cũng cần lưu ý khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội do khoản 6 Điều 91 BLHS quy định: *“Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét tầy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng với thời hạn thích hợp ngắn nhất”* [22].

- Nhận thức về chế tài các quy phạm quy định tội phạm. Nhận thức chính

xác về các chế tài lựa chọn, chế tài bắt buộc hoặc chế tài tùy nghi; nhận thức về điều kiện, phạm vi áp dụng từng loại hình phạt được quy định trong BLHS và tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội... là điều kiện quan trọng để hình phạt được áp dụng không trái pháp luật, đảm bảo nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa trong áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng hình phạt nói riêng. Tòa án phải xem xét tất cả các quy định của phần chung nhưng không phải viện dẫn tất cả các quy định nói trên của phần chung vào trong vụ án cụ thể. Tòa án chỉ phản ánh trong bản án những quy định của phần chung có ý nghĩa trong việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện và nhân thân người phạm tội... nhằm chọn loại và mức hình phạt cụ thể đối với bị cáo.

Tiếp theo Tòa án còn phải tìm hiểu và căn cứ vào các chế tài của điều luật quy định đối với tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Mỗi loại tội phạm được chỉ ra ở phần quy định của điều luật hoặc khoản của điều luật có một số loại hình phạt tương ứng được quy định ở chế tài của điều luật hoặc khoản của điều luật đó. Do đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào loại và khung hình phạt được quy định đối với tội mà bị cáo đã thực hiện. Khi quyết định hình phạt, Tòa án phải căn cứ vào những chế tài cụ thể được quy định đối với tội phạm cụ thể do bị cáo đã thực hiện để chọn một loại và mức hình phạt hợp lý, công bằng nhất.

Như vậy, khi quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn, Tòa án cần phải căn cứ vào tất cả các quy định của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung ở dạng thống nhất, tổng thể của chúng và phải cân nhắc, chỉ rõ trong bản án những quy định của BLHS có liên quan trực tiếp đến việc quyết định một hình phạt cụ thể đối với một bị cáo cụ thể.

- Nhận thức về các quy định liên quan đến áp dụng hình phạt.

Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự không có chương riêng quy định, hướng dẫn về việc áp dụng hình phạt đối với hội đồng xét xử. Mà khi áp

dụng hình phạt cho người phạm tội đang bị xét xử, Hội đồng xét xử phải tìm hiểu, nghiên cứu các quy định của BLHS để đưa ra được mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi nguy hiểm của người bị kết tội, phù hợp với quy định của pháp luật hình sự. Như trong trường hợp người bị kết án phạm nhiều tội thì hình phạt chung không quá 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn. Khi xem xét trường hợp này hội đồng xét xử cần phải xem xét quy định của BLTTHS về thẩm quyền xét xử của Tòa án các cấp, để xác định trường hợp nào tòa án nhân dân cấp huyện, tòa án quân sự cấp khu vực được xét xử, khi nào thì phải chuyển hồ sơ cho tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án quân sự cấp quân khu xét xử, tránh trường hợp hình phạt tòa án cấp huyện áp dụng thuộc thẩm quyền của tòa án cấp tỉnh. Khoản 4 và khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định: “ 4. Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa... 6. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét tầy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng với thời hạn thích hợp ngắn nhất”[22]. Hoặc trường hợp thuộc khoản 1 Điều 103 BLHS năm 2015 Người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội và bị đưa ra xét xử cùng một lần nếu hình phạt chung là hình phạt tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội. Do đó, trước khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên Tòa án phải cân nhắc xem áp dụng hình phạt có phù hợp với quy định của pháp luật, với hành vi đã được thực hiện không. Trường hợp bắt buộc phải áp dụng hình phạt

tù có thời hạn thì hội đồng xét xử phải cân nhắc khi hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn với đối tượng này không phải cứ theo đúng quy định trong khung hình phạt của tội phạm cụ thể mà người bị kết án đã thực hiện, mà người dưới 18 tuổi được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở nên. Như vậy, có thể thấy nhận thức các quy định liên quan đến áp dụng hình phạt có ý nghĩa quan trọng trong quá trình tòa án áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người bị kết tội.

1.2.3. Xác định sự tương thích các quy định của Bộ luật hình sự với các tình tiết vụ án được xác định để quyết định biện pháp trách nhiệm hình sự; loại, mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt tù.

Trên cơ sở nhận thức các quy định của Bộ luật hình sự, cơ sở pháp lý của áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử cần phải tìm sự tương thích các quy định của Bộ luật hình sự đối với các tình tiết vụ án được xác định. Bởi lẽ, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới người bị kết án theo chiều hướng tiêu cực hoặc tích cực bởi nếu các tình tiết trong vụ án có các quy định của Bộ luật hình sự điều chỉnh và có lợi thì người bị kết án sẽ chỉ phải chấp hành bản án trong thời gian ngắn, ngược lại họ sẽ phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn trong khoảng thời gian dài. Tại sao cần phải tìm sự tương thích các quy định của Bộ luật hình sự với tình tiết của vụ án. Vì, các tình tiết có lợi hay làm xấu đi tình trạng của bị cáo không phải do quyết định cảm tính của thành viên hội đồng xét xử, mà phải dựa trên cơ sở quy định của pháp luật, người áp dụng hình phạt là hội đồng xét xử phải tìm hiểu, nghiên cứu các tình tiết của vụ án có được quy định trong bộ luật hình sự không, có được hướng dẫn thi hành bởi các Nghị quyết, Thông tư hay không. Trường hợp bị cáo bị đưa ra xét xử là người dưới 18 tuổi, Hội đồng xét xử phải xem xét độ tuổi là tình tiết có ý nghĩa đối với việc quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ở độ tuổi này, pháp luật quy định ra sao khi họ phạm tội, khi đưa ra xét xử thì hình phạt được áp dụng như thế nào. Đối với người dưới

18 tuổi phạm tội không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình; Nếu là hình phạt tù có thời hạn Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời gian thích hợp ngắn nhất. Dựa trên độ tuổi của bị cáo và quy định của luật hình sự liên quan đến chế tài áp dụng đối với người dưới 18 tuổi, trường hợp Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì phải đảm bảo mức án nhẹ hơn mức án đối với người đủ 18 tuổi. Nếu không có sự tìm hiểu về các quy định liên quan đến tình tiết thì rất có thể áp dụng mức hình phạt quá nặng, không đảm bảo quy định của luật hình sự.

Cũng tương tự như vậy, việc xác định sự tương thích của Bộ luật hình sự với tình tiết của vụ án còn giúp hội đồng xét xử lựa chọn biên pháp chấp hành hình phạt phù hợp với quy định, thể hiện nghiêm trị kết hợp với khoan hồng trong chính sách hình sự của nhà nước. Khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 quy định *“Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách...”*[22]. Điều luật đã nêu cơ bản các điều kiện để người bị kết án có thể được chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Tuy nhiên, trong điều luật chưa nói rõ yêu cầu về nhân thân và bao nhiêu tình tiết giảm nhẹ là phù hợp. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử phải xem xét nhân thân của cùng các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và xem xét Tòa án nhân dân tối cao có hướng về điều này hay không, nếu có thì hướng dẫn như thế nào để được áp dụng? Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo hướng dẫn tại Điều 2 Điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo:

“Người bị xử phạt tù có thể được xem xét cho hưởng án treo khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Bị xử phạt tù không quá 03 năm.

2. Có nhân thân tốt.

Được coi là có nhân thân tốt nếu ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

Đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng, nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo.

3. Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4. Có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục.

Nơi cư trú rõ ràng là nơi tạm trú hoặc thường trú có địa chỉ được xác định cụ thể theo quy định của Luật Cư trú mà người được hưởng án treo về cư trú, sinh sống thường xuyên sau khi được hưởng án treo.

Nơi làm việc ổn định là nơi người phạm tội làm việc có thời hạn từ 01 năm trở lên theo hợp đồng lao động hoặc theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5. Xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù nếu người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” [7].

1.2.4. Ra bản án kết tội áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người bị kết tội

Sau khi Hội đồng xét xử xem xét, nhận định về các tình tiết của vụ án hình sự, các quy định của pháp luật về định tội danh, quyết định loại, mức hình phạt cũng như quyết định biện pháp chấp hành hình phạt thì cần có văn bản thể hiện quyết định của Hội đồng xét xử, làm cơ sở cho giai đoạn thi hành án đối với người bị kết tội. Theo quy định tại Điều 13 BLTTHS người bị coi là có tội khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, Bản án là văn bản duy nhất kết tội bị cáo và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về hành vi phạm tội do mình gây ra. Với tầm quan trọng như vậy, khi ra Bản án phải đảm bảo các điều kiện: Bản án phải được các thành viên Hội đồng xét xử thảo luận và ký thông qua tại phòng nghị án; Trong bản án, Nhận định của Hội đồng xét xử phải phân tích những chứng cứ xác định có tội, không có tội, xác định bị cáo có tội hay không và nếu bị cáo có tội thì là tội gì, theo điểm, khoản, điều, nào của Bộ luật hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác được áp dụng, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cần phải xử lý như thế nào. Nếu bị cáo không có tội thì bản án phải ghi rõ những căn cứ xác định bị cáo không có tội và việc giải quyết khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của pháp luật; Bản án phải phân tích được lý do mà hội đồng xét xử không chấp nhận chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, yêu cầu, đề nghị của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và Quyết định của hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án như tội danh, loại hình

phạt tù có thời hạn, mức hình phạt tù có thời hạn mà bị cáo phải chấp hành, biện pháp chấp hành hình phạt tù. Hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao đều tổ chức các buổi tập huấn về giải quyết các vụ án hình sự, trong đó hướng dẫn cách viết bản án, chỉ ra các lỗi khi viết bản án của Thẩm phán. Năm 2017, Tòa án tối cao đã tổ chức riêng chương trình tập huấn chỉ hướng dẫn về cách soạn thảo bản án, các lỗi cần rút kinh nghiệm. Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 07 năm 2017 Ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật tố tụng hình sự; Văn bản số 155/TANDTC – PC ngày 28 tháng 07 năm 2017 về việc áp dụng thống nhất thể thức và kỹ thuật trình bày các văn bản tố tụng trong đó có bản án.

1.3. Ý nghĩa của áp dụng hình phạt tù có thời hạn

1.3.1. Ý nghĩa chính trị - xã hội

Các hành vi trái pháp luật do người phạm tội thực hiện đã và đang gây ra những hậu quả xấu tới xã hội: Gây mất an ninh trật tự, xã hội, thiệt hại về kinh tế...Do đó việc xét xử các vụ án hình sự đối với các bị can, bị cáo luôn nhận được sự quan tâm của xã hội. Người dân theo dõi việc xét xử các hành vi phạm tội qua đó đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ, hiệu quả trong công tác của cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ giải quyết vụ án, củng cố niềm tin của bản thân vào chính quyền, Đảng và Nhà nước. Do đó, áp dụng hình phạt tù có thời hạn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị - xã hội. Khi áp dụng hình phạt đúng sẽ nhận được sự đồng tình của dư luận xã hội; tạo ra sự đồng thuận xã hội trong đánh giá tội phạm, đánh giá chính sách hình sự của Nhà nước ta. Điều này tạo niềm tin cho người dân vào chủ trương, đường lối của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước, tăng uy tín của Tòa án, Cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Và tạo sự ổn định trong đời sống của nhân dân, người dân yên tâm trong sinh hoạt, lao động. Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đúng còn tác động nên người bị kết án,

họ nhận thấy mức hình phạt phù hợp sẽ cố gắng cải tạo để về hòa nhập cuộc sống, sinh sống ổn định và không thực hiện hành vi phạm tội nữa. Ngược lại, khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn không đúng (quá nhẹ, quá nặng) làm mất niềm tin của người dân vào cơ quan thực thi pháp luật, gây tổn hại đến uy tín của Đảng, Nhà nước, không thể hiện được tính răn đe đối với người phạm tội dẫn đến họ tiếp tục phạm tội mới.

Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đúng quy định của pháp luật là bảo đảm quan trọng cho việc bảo vệ công lý, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ quyền con người, bảo vệ lợi ích Nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực hình sự. Các hành vi xâm hại các quan hệ pháp luật được pháp luật bảo vệ của người bị kết án đều được phải chịu hình phạt tương xứng

Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đúng đắn sẽ góp phần bảo vệ công bằng xã hội, tăng cường pháp chế, trật tự pháp luật và kỷ cương xã hội.

1.3.2. Ý nghĩa pháp lý

Một ý nghĩa quan trọng khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn là ý nghĩa về mặt pháp lý. Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đúng thể hiện sự đúng đắn, hợp lý của văn bản pháp luật hình sự, sức sống của pháp luật hình sự trên thực tế. Mặt khác qua hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn, các cơ quan có thẩm quyền cũng phát hiện những bất cập, vướng mắc, thiếu sót của các quy phạm pháp luật hình sự để đưa ra các biện pháp bảo đảm áp dụng thống nhất trên thực tế; ban hành án lệ hoặc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của BLHS.

Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đúng là thể hiện tính hiệu quả của trình tự, thủ tục tố tụng quy định trong áp dụng pháp luật hình sự nói chung, áp dụng hình phạt nói riêng. Cho thấy trình tự, thủ tục tố tụng quy định đã hợp lý, đáp ứng được nhu cầu của các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, xã hội đều có sự thay đổi, kéo theo sự thay đổi về kinh tế, văn hóa, pháp luật. Nhiều quy định

của pháp luật không còn phù hợp, trình tự thủ tục cần sửa đổi, bổ sung để chặt chẽ hơn. Do đó, Hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn còn là cơ sở thực tiễn để kiểm nghiệm trên thực tế các quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến áp dụng hình phạt nhằm tổng kết, rút kinh nghiệm và hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự trong xây dựng một hệ thống tư pháp hình sự dân chủ, hiệu quả, vì công lý, vì con người.

1.4.3. Ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa.

Ngoài mục đích trừng trị người phạm tội, mục đích của hình phạt còn là giáo dục người phạm tội ý thức tuân theo pháp luật, quy tắc của cuộc sống đồng thời ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác. Chỉ khi hình phạt nói chung và hình phạt tù nói riêng được áp dụng một cách chính xác và công bằng thì mục đích giáo dục cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác của hình phạt mới đạt được.

Khi hình phạt tù có thời hạn được quyết định áp dụng quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện sẽ làm nảy sinh tâm lý xem thường pháp luật ở người phạm tội và ở những người khác, người dân không còn tin tưởng vào cơ quan tư pháp; hình phạt tù có thời hạn được quyết định áp dụng quá nghiêm khắc so với tính chất nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện sẽ gây ra cho người bị kết án tâm lý tiêu cực, chán nản trong giáo dục cải tạo, sự không tin tưởng vào tính công bằng của pháp luật và sự công minh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Cả hai tình trạng đó đều dẫn đến hậu quả là làm giảm ý nghĩa phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt.

Trường hợp hình phạt tù có thời hạn được áp dụng một cách đúng đắn sẽ tạo được sự đồng thuận của toàn xã hội, các cá nhân và tổ chức nhận thấy được sự công bằng của pháp luật từ đó tin tưởng vào sự đấu tranh phòng ngừa tội phạm, tin tưởng vào cơ quan xét xử của nước ta; tạo ra hiệu ứng tích cực để toàn xã hội tham gia tích cực vào công cuộc phòng chống tội phạm ở nước ta.

Đây là bài học để người dân tuyên truyền pháp luật tới người thân, bạn bè để nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật.

Tiểu kết Chương 1

Qua nghiên cứu Chương 1 của Luận văn, chúng tôi rút ra những kết luận như sau:

- Thứ nhất: Các nội dung liên quan đến khái niệm “Áp dụng hình phạt tù có thời hạn của tòa án” xuất phát từ khái niệm áp dụng hình phạt và hình phạt tù có thời hạn. Việc xây dựng khái niệm “Áp dụng hình phạt tù có thời hạn” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xác định những nội dung cần nghiên cứu của luận văn. Trên cơ sở khái niệm có thể rút ra đặc điểm đặc trưng của hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn, làm cơ sở phân biệt với các hoạt động áp dụng hình phạt khác.

- Thứ hai: Hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn được thực hiện theo trình tự rõ ràng, đảm bảo cả quy định của luật nội dung và luật hình thức. Quy định của luật nội dung (BLHS) là căn cứ để Tòa án áp dụng hình phạt tù có thời hạn, còn quy định của luật hình thức (BLTTHS) hướng dẫn Tòa án xác định trình tự, thủ tục áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người bị kết tội.

- Thứ ba: Xác định những ý nghĩa quan trọng của hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn: ý nghĩa về mặt chính trị- xã hội, pháp lý và giáo dục cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN CỦA CÁC TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

2.1. Khái quát tội phạm, việc thụ lý, xét xử ở tỉnh Quảng Ninh

2.1.1. Khái quát về tội phạm ở tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là một tỉnh ở địa đầu phía đông bắc Việt Nam, được thành lập từ năm 1963. Tên gọi Quảng Ninh có nguồn gốc từ tên ghép của hai tỉnh Quảng Yên và Hải Ninh cũ. Quảng Ninh có diện tích là 12.202,4 km², gồm 4 thành phố trực thuộc là: Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí; 2 thị xã trực thuộc là thị xã Quảng Yên, Đông Triều và 8 huyện: Tiên Yên, Vân Đồn, Bình Liêu, Ba Chẽ, Cô Tô, Đàm Hà, Hoành Bồ và Hải Hà. Là một tỉnh có đường biên giới dài tới 132,8km với Trung Quốc, đường bờ biển với hơn 2000 hòn đảo lớn nhỏ chiếm tới 619,913km² diện tích toàn tỉnh. Đồng thời Quảng Ninh thuộc vùng kinh tế trọng điểm của nước ta nên mật độ dân cư đông đúc và phát triển.

Do vậy, Quảng Ninh được coi là một đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía bắc với nhiều Khu kinh tế, trong đó Trung tâm thương mại Móng Cái là đầu mối giao thương giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc và các nước trong khu vực. Ngoài ra, Quảng Ninh còn là một địa danh giàu tiềm năng du lịch, là một đỉnh của tam giác tăng trưởng du lịch miền Bắc Việt Nam, nổi tiếng là vịnh Hạ Long, chùa Yên Tử...

Với 80% diện tích Quảng Ninh là địa hình đồi núi, tập trung ở phía Bắc, nhiều đảo ven biển, biên giới, địa bàn rộng, hơn 34 dân tộc cùng sinh sống, bên cạnh một số thành phố, huyện thị lớn như: Hạ Long, Cẩm Phả, Uông Bí, Móng Cái, Quảng Yên, Đông Triều, Quảng Ninh còn nhiều nơi đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí và nhận thức pháp luật còn một số hạn chế, nhiều vụ việc người dân vi phạm do thiếu hiểu biết về pháp luật. Bên cạnh đó, việc giao thương với Trung Quốc cùng với việc khai thác nguồn tài nguyên than đá và khai thác du lịch nên Quảng Ninh là nơi hội tụ của người dân của rất nhiều

tỉnh thành trong nước đến làm ăn, sinh sống gây khó khăn cho công tác quản lý dân cư. Trong những năm gần đây việc giao thương với Trung Quốc bị hạn chế, tình hình kinh doanh than cũng gặp nhiều khó khăn dẫn đến một số lượng lớn lao động bị thất nghiệp đã dẫn đến tỷ lệ phạm tội gia tăng. Đặc biệt với vị trí địa lý nhiều đồi núi, đường biên giới kéo dài với Trung Quốc nên Quảng Ninh tội phạm ở các nơi khác đặc biệt là tội phạm về ma túy lựa chọn làm nơi hoạt động. Do đó, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh diễn biến hết sức phức tạp.

Từ đầu năm 2013 đến cuối năm 2017, số vụ án các TAND tỉnh Quảng Ninh phải giải quyết là 7.963, với 14.652 bị cáo. Trong đó, tội phạm thường thực hiện hành vi phạm tội thuộc các tội sau: Tội cướp tài sản 203 vụ; Tội trộm cắp tài sản 1.077 vụ; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 237 vụ; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 229 vụ; Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm 73 vụ; Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy 2.630 vụ; Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ 443 vụ; Tội đánh bạc 220 vụ; Tội giết người 113 vụ; Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên 47 vụ. Qua đây có thể thấy một số loại tội phạm diễn ra phức tạp, số lượng lớn như Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt chất ma túy, Tội trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

2.1.2. Khái quát kết quả thụ lý, xét xử.

Toàn hệ thống Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh hiện có: Tòa án nhân dân tỉnh và 14 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện, thành phố, thị xã. Với tổng biên chế được giao là 253 người (trong đó có 104 Thẩm phán; 19 Thẩm tra viên và chuyên viên; 130 Thư ký và ngạch công chức khác); Hàng năm, TAND tỉnh Quảng Ninh đều thực hiện điều động, chuyển đổi vị trí công tác, làm quy trình đề nghị và được Chánh án TANDTC bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đối với các thẩm phán trung cấp và sơ cấp. Bên cạnh đó, công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trong hệ thống tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ninh

cũng được quan tâm, chú trọng. Thời gian qua đã làm thủ tục cử nhiều lượt cán bộ tham gia học tập Cao cấp lý luận chính trị, được đào tạo sau đại học và đại học, cũng như tổ chức cho các đồng chí cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Song song với nhiệm vụ về chuyên môn, nhiệm vụ chính trị tại địa phương thì TAND hai cấp tỉnh Quảng Ninh còn thực hiện các nhiệm vụ: Tham gia hoàn thiện hệ thống pháp luật; thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp; tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ, thẩm phán và tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc.

Dù còn những khó khăn nhưng với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao trong công tác của tập thể lãnh đạo và cán bộ, công chức; sự quan tâm, chỉ đạo của TAND tối cao, cấp ủy, chính quyền địa phương và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, TAND hai cấp tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm công tác.

Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác hàng năm (từ năm 2013 đến năm 2017) của TAND hai cấp tỉnh Quảng Ninh, tình hình thụ lý, xét xử các vụ án hình sự được thể hiện qua bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 2.1: Số lượng các vụ án, bị cáo đã thụ lý của các TAND tỉnh Quảng Ninh

Đơn vị tính: Vụ án, bị cáo

| STT | Năm | Số liệu thụ lý | | Ghi chú |
|-----|------|----------------|--------|---------|
| | | Vụ án | Bị cáo | |
| 1 | 2013 | 1843 | 3279 | |
| 2 | 2014 | 1717 | 3157 | |
| 3 | 2015 | 1460 | 2678 | |
| 4 | 2016 | 1474 | 2857 | |
| 5 | 2017 | 1469 | 2663 | |

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Qua bảng số liệu thống kê chúng ta thấy:

- Năm 2013, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án thụ lý 1843 vụ án hình sự, với tổng số 3279 bị cáo;

- Năm 2014, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án thụ lý 1717 vụ án hình sự với tổng số bị cáo 3157 bị cáo.

- Năm 2015, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án thụ lý 1460 vụ án hình sự với tổng số bị cáo 2678 bị cáo.

- Năm 2016, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án thụ lý 1474 vụ án hình sự với tổng số bị cáo 2457 bị cáo.

- Năm 2017, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án thụ lý 1469 vụ án hình sự với tổng số bị cáo 2663 bị cáo.

Số liệu trên cho thấy, theo thời gian các vụ án hình sự, số bị cáo có xu hướng giảm theo từng năm, năm 2013 và 2014 có sự giảm nhẹ; từ năm 2015 đến năm 2017 có sự giảm tương đối nhiều so với năm 2013, 2014.

Bảng 2.2: Số liệu kết quả xét xử của các TAND tỉnh Quảng Ninh

Đơn vị tính: Vụ án, bị cáo

| Stt | Năm | Tổng số giải quyết | | Ghi chú |
|-----|------|--------------------|--------|---------|
| | | Vụ án | Bị cáo | |
| 1 | 2013 | 1730 | 3094 | |
| 2 | 2014 | 1580 | 2822 | |
| 3 | 2015 | 1331 | 2317 | |
| 4 | 2016 | 1338 | 2504 | |
| 5 | 2017 | 1350 | 2584 | |

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Qua số liệu tổng hợp, phân tích cho chúng ta thấy trong thời gian 05 năm (từ năm 2013 đến năm 2017) các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xét xử 7.329 vụ, với 13.321 bị cáo, cụ thể như sau:

- Năm 2013, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án giải quyết 1730 vụ án hình sự, với 3094 bị cáo.

- Năm 2014, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án giải quyết 1580 vụ án hình sự, với 2822 bị cáo.

- Năm 2015, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án giải quyết 1331 vụ án hình sự, với 2317 bị cáo.

- Năm 2016, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án giải quyết 1338 vụ án hình sự, với 2504 bị cáo.

- Năm 2017, toàn tỉnh Quảng Ninh Tòa án giải quyết 1350 vụ án hình sự, với 2584 bị cáo.

Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự trong thời gian 5 năm các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện tốt công tác xét xử án hình sự với số lượng án thụ lý, giải quyết đạt tỷ lệ cao, đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh các vụ án hình sự nói chung và các vụ án hình sự điểm nói riêng đáp ứng yêu cầu phục vụ mục đích chính trị, xã hội tại địa phương, hạn chế án tồn.

Bảng 2.3: Số liệu các tội phạm thường thực hiện

Đơn vị tính: Vụ án

| Stt | Tội danh | Số thụ lý theo năm | | | | |
|-----|---|--------------------|------|------|------|------|
| | | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Tội giết người | 40 | 20 | 18 | 20 | 20 |
| 2 | Tội cố ý gây thương tích | 193 | 151 | 101 | 103 | 103 |
| 3 | Tội cướp tài sản | 60 | 62 | 48 | 21 | 16 |
| 4 | Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản | 69 | 46 | 40 | 39 | 44 |
| 5 | Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản | 81 | 58 | 32 | 27 | 31 |
| 6 | Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm | 23 | 21 | 12 | 5 | 13 |

| | | | | | | |
|------------------|--|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 7 | Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy | 537 | 539 | 471 | 589 | 564 |
| 8 | Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ | 125 | 89 | 75 | 79 | 89 |
| 9 | Tội đánh bạc | 40 | 49 | 45 | 46 | 41 |
| 10 | Tội trộm cắp tài sản | 228 | 240 | 235 | 189 | 188 |
| 11 | Tội cưỡng đoạt tài sản | 30 | 39 | 16 | 10 | 10 |
| Tổng cộng | | 1426 | 1304 | 1102 | 1130 | 1180 |
| | Các tội phạm khác | 304 | 287 | 238 | 214 | 98 |

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Qua bảng thống kê có thể thấy: Năm 2013 số lượng tội phạm bị phát hiện và đưa ra xét xử chiếm số lượng lớn nhất trong 5 năm (từ năm 2013 đến năm 2017). Từ năm 2013 đến năm 2017, xu hướng chung số lượng vụ án theo các tội danh được thống kê nhìn chung có xu hướng giảm dần, có nhiều tội giảm mạnh như tội cướp tài sản, Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... Đây là kết quả của quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm không ngại gian khổ, khó khăn do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong cả một thời gian dài. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có một số tội phạm diễn biến phức tạp, theo chiều hướng tăng hoặc số lượng vụ án xảy ra nhiều như: Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt ma túy, Tội trộm cắp tài sản...

2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2.2.1. Kết quả áp dụng hình phạt tù.

Qua thực tiễn xét xử vụ án hình sự trong những năm gần đây thấy việc tòa án áp dụng hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ rất lớn so với các hình phạt chính khác.

Bảng 2.4: Số liệu các hình phạt chính được áp dụng của tòa án

Đơn vị tính: Bị cáo

| Năm | Tổng số bị cáo | Số liệu hình phạt chính được áp dụng | | | | | | |
|-------------|----------------|--------------------------------------|-------------|------------------------|-------------------|----------------|---------------|-------------|
| | | Cảnh cáo | Phạt tiền | Cải tạo không giam giữ | Cho hưởng án treo | Tù có thời hạn | Tù chung thân | Tử hình |
| 2013 | 2896 | 8 | 4 | 11 | 564 | 2185 | 64 | 60 |
| 2014 | 2650 | 5 | 10 | 14 | 420 | 2124 | 33 | 44 |
| 2015 | 1958 | 14 | 16 | 23 | 358 | 1512 | 22 | 13 |
| 2016 | 2089 | 2 | 18 | 21 | 348 | 1671 | 22 | 7 |
| 2017 | 2211 | 0 | 8 | 22 | 465 | 1674 | 27 | 15 |
| Tổng | 11804 | 29 | 56 | 91 | 2155 | 9166 | 168 | 139 |
| Số % | 100 | 0.24 | 0.47 | 0.77 | 18.25 | 77.65 | 1.42 | 1.17 |

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Trên đây là bảng số liệu thực tiễn quá trình áp dụng hình phạt của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong thời gian 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017.

Qua bảng trên chúng ta thấy tỷ trọng áp dụng hình phạt tại Quảng Ninh như sau: Áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với 29 bị cáo chiếm tỷ lệ 0.24%; Áp dụng hình phạt tiền đối với 56 bị cáo chiếm tỷ lệ 0.47%; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với 91 bị cáo chiếm 0.77%; Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với 2155 bị cáo chiếm 18.25%; Áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với 9166 bị cáo chiếm 77.65%; Áp dụng hình phạt tù chung thân đối với 168 bị cáo chiếm 1.42%; Áp dụng hình phạt tử hình đối với 139 bị cáo chiếm 1.17%. Có thể thấy hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ rất lớn 77.65%, chưa tính đến số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo.

Hình phạt tù có thời hạn được tòa án áp dụng phổ biến và ở nhiều mức khác nhau.

Bảng số 2.5: Số liệu áp dụng hình phạt tù có thời hạn

Đơn vị tính: Bị cáo

| Stt | Năm | Tổng số bị cáo | Số liệu áp dụng hình phạt tù có thời hạn | | | | | | | | | |
|-----|------|----------------|--|---------|-----------------------|---------|-----------------------------|---------|--------------------------|---------|---|---------|
| | | | Tù từ 3 năm trở xuống | | Tù từ 3 năm đến 7 năm | | Tù từ trên 7 năm đến 15 năm | | Tù từ trên 15 đến 20 năm | | Tổng hợp hình phạt tù từ trên 20 năm đến 30 năm | |
| | | | Bị cáo | Tỷ lệ % | Bị cáo | Tỷ lệ % | Bị cáo | Tỷ lệ % | Bị cáo | Tỷ lệ % | Bị cáo | Tỷ lệ % |
| 1 | 2013 | 2185 | 1360 | 62 | 522 | 24 | 239 | 11 | 58 | 2,7 | 6 | 0,3 |
| 2 | 2014 | 2124 | 1238 | 58 | 489 | 23 | 287 | 13,5 | 98 | 5 | 12 | 0,5 |
| 3 | 2015 | 1512 | 926 | 61,3 | 294 | 19,4 | 221 | 14,6 | 58 | 3,9 | 13 | 0,8 |
| 4 | 2016 | 1671 | 986 | 59 | 330 | 19,7 | 275 | 16,5 | 73 | 4,4 | 07 | 0,4 |
| 5 | 2017 | 1674 | 1090 | 65,1 | 271 | 16,1 | 200 | 11,9 | 98 | 6 | 15 | 0,9 |

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Qua phân tích số liệu áp dụng hình phạt tù có thời hạn tại tỉnh Quảng Ninh thấy: Áp dụng hình phạt tù từ 3 năm trở xuống đối với 5600 bị cáo, chiếm tỷ lệ 61,1%, tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn; Áp dụng hình phạt tù từ 3 năm đến 7 năm đối với 1906 bị cáo, chiếm tỷ lệ 20,4% tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn; Áp dụng hình phạt tù từ 7 năm đến 15 năm đối với 1222 bị cáo, chiếm 13,5% tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn; Áp dụng hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm đối với 385 bị cáo, chiếm 4,4% tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn; Tổng hợp hình phạt tù từ 20 đến 30 năm đối với 53 bị cáo, chiếm 0,6% tổng số bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Bảng số 2.6: Số liệu về nhân thân của bị cáo

Đơn vị tính: Bị cáo

| Năm | Bị cáo | Phân tích đặc điểm nhân thân các bị cáo đã bị xét xử | | | | | | | | |
|------|--------|--|-----------|------------------------------|---------------|------------------|-----|---------------------------|---------------------------|-------------------|
| | | Cán bộ công chức | Đảng viên | Tái phạm, tái phạm nguy hiểm | Nghiện ma túy | Dân tộc thiểu số | Nữ | Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi | Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi | Từ 18 đến 30 tuổi |
| 2013 | 1562 | 3 | 15 | 82 | 269 | 122 | 159 | 1 | 82 | 829 |
| 2014 | 1098 | 1 | 16 | 44 | 155 | 77 | 120 | 2 | 33 | 650 |
| 2015 | 820 | 0 | 7 | 36 | 126 | 73 | 102 | 1 | 13 | 462 |
| 2016 | 905 | 0 | 15 | 26 | 157 | 94 | 134 | 1 | 19 | 459 |
| 2017 | 991 | 12 | 18 | 49 | 92 | 74 | 248 | 2 | 14 | 482 |

(Nguồn: Số liệu thống kê tội phạm của TAND tỉnh Quảng Ninh)

Từ những số liệu trên có thể thấy chất lượng xét xử được nâng cao rõ rệt, Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật, các bản án được tuyên bảo đảm đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hình phạt Tòa án áp dụng đã nghiêm trị những kẻ cầm đầu, ngoan cố chống đối, lưu manh...đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng đối với những người tự thú, ăn năn hối cải. Khi áp dụng hình phạt tòa án đã xem xét, làm rõ các tình tiết định tội; các tình tiết định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các đặc điểm về nhân thân của bị cáo. Từ đó, áp dụng hình phạt và mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện.

Ví dụ: Bản án số 26/2016/HSST ngày 02/03/2016 của TAND tỉnh Quảng Ninh [33]. Tháng 6/2015, Yan Chao (Yén Siêu) nhập cảnh từ Trung Quốc vào Việt Nam thuê nhà số 60, đường Vườn Trầu, phường Trần Phú, Thành phố

Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để ở và làm thuê, trong quá trình sinh sống tại Việt Nam bị cáo có quen một người Trung Quốc tên là A San. Khoảng 8 giờ tối ngày 23/10/2015 bị cáo có vận chuyển thuê cho A San một ba lô bên trong có 05 khẩu súng ngắn, 114 viên đạn, 08 hộp tiếp đạn từ Việt Nam sang Trung Quốc thì bị bắt giữ.

Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã cân nhắc các yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi vận chuyển vũ khí của Yan Chao được chứng minh bằng vật chứng khi bắt giữ Yan Chao gồm 05 khẩu súng ngắn, 114 viên đạn, 08 hộp tiếp đạn. Theo kết quả giám định toàn bộ súng đạn này đều là vũ khí quân dụng. Hành vi vận chuyển súng đạn của Yan Chao đã vi phạm khoản 2 điều 5 và điều 21 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, đó là không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Hành vi vận chuyển vũ khí của Yan Chao là bất hợp pháp, rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý vũ khí quân dụng của nhà nước đồng thời đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác, vì vậy Yan Chao đã phạm tội “ Vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng”. Do Yan Chao vận chuyển nhiều loại vũ khí quân dụng khác nhau, và lại vận chuyển qua biên giới nên Yan Chao phải bị xử lý theo điểm b,c khoản 2 điều 230 bộ luật hình sự, có mức án từ 5 năm đến 12 năm tù.

Sau khi nhận định về hành vi của bị cáo và xác định khung hình phạt. Hội đồng xét xử tiếp tục nhận định về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 bộ luật hình sự.

Cuối cùng hội đồng xét xử quyết định áp dụng Áp dụng điểm b,c khoản 2 điều 230,điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Xử phạt bị cáo Yan Chao 06 (sáu) năm tù.

Mức hình phạt tù có thời hạn Tòa án áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, đã cân nhắc các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo.

Ví dụ: Bản án số 101/2017/HSST ngày 02/08/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.[34]

Nguyễn Bá Khang (có giấy phép lái xe hạng C) lái xe thuê cho công ty cổ phần dịch vụ thương mại Thanh Tuấn. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/03/2017, Khang điều khiển xe đi hướng Tiên Yên – Hạ Long, đến đoạn đường Quốc lộ 18A thuộc tổ 1, khu Bình Sơn, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, là đoạn đường một chiều, có dải phân cách cố định giữa đường, có biển báo người đi bộ qua đường, có công trình công cộng tập trung nhiều người (chợ) và có lối quay đầu xe. Khang điều khiển xe đi trên làn đường sát dải phân cách, với vận tốc khoảng 48 Km/h. Lúc này, ông Lê Quang Đạt (sinh năm 1928, trú tại tổ 7, khu Bình Sơn) đi bộ qua đường nơi dành cho người đi bộ từ bên phải sang bên trái theo chiều Tiên Yên – Hạ Long. Do không chú ý quan sát, nên khi xe đến gần vị trí ông Đạt sang đường thì Khang mới phát hiện thấy ông Đạt trên đường. Khang điều khiển xe sang trái để tránh và xử lý phanh nhưng không kịp, phần đầu bên phải xe ô tô đã đâm vào ông Lê Quang Đạt, làm ông bị ngã xuống đường. Hậu quả: ông Đạt bị tử vong trên đường đi cấp cứu.

Khi xét xử, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét hỏi bị cáo, người đại diện của bị hại, xem xét lời khai của người làm chứng đầy đủ để đi tới kết luận: bị cáo có hành vi điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát, không nhường đường cho người đi bộ, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi qua nơi đường giao nhau nên đã đâm vào ông Đạt làm ông Đạt tử vong trên đường đi cấp cứu. Hành vi của bị cáo phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 2002 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát thành phố Cẩm Phả truy tố là đúng người, đúng tội.

Sau đó Hội đồng tiếp tục nhận định: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự, đã xâm phạm an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tổn hại đến tính mạng của công dân. Bị cáo là người đã trưởng thành, là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị cáo nhận thức được hành vi của mình ngoài ra bị cáo đã được học luật giao thông đường bộ và được cấp giấy phép lái xe theo quy định. Bị cáo hiểu rất rõ khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải chú ý quan sát các biển báo, phải nhường đường cho người đi bộ, phải giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi qua nơi đường giao nhau, khu vực có công trình công cộng tập trung nhiều người. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây nên Hội đồng xét xử thấy cần có mức hình phạt nghiêm để trừng trị hành vi phạm tội của bị cáo và làm gương cho người khác.

Hội đồng cũng xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi nhận định: Cần xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đã tác động đến gia đình thăm hỏi, bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại và được gia đình người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy chưa cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm tuyên bố xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Khang 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

2.2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng hình phạt tù của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn xét xử cho thấy việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn còn bộc lộ những thiếu sót, sai lầm gây ảnh hưởng không nhỏ tới quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội, cũng như uy tín của

cơ quan thực thi pháp luật. Các sai sót vướng mắc này thường gặp phải tập trung chủ yếu ở những dạng sau đây:

- Thứ nhất, có tình trạng ưu tiên áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Qua số liệu thống kê về các hình phạt chính được áp dụng của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nêu trên thấy: Áp dụng hình phạt cảnh cáo chiếm tỷ lệ 0.24%; Áp dụng hình phạt tiền đối chiếm tỷ lệ 0.47%; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chiếm 0.77%; Áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo chiếm 18.25%; Áp dụng hình phạt tù có thời hạn chiếm 77.65%. Tỷ lệ hình phạt tù có thời hạn được áp dụng cao rất nhiều lần so với các hình phạt khác. Trong số các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì có 65,1% bị cáo có mức hình phạt từ 3 năm trở xuống. Việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn với tỷ lệ cao như trên cho thấy những người áp dụng áp dụng pháp luật ưu tiên áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đưa ra yêu cầu giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế... Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định trong việc áp dụng các biện pháp tạm giam. Việc tòa án ưu tiên lựa chọn hình phạt tù có thời hạn để áp dụng xuất phát từ nhiều lý do: Do nhận thức của người áp dụng, dư luận xã hội và nhận thức của người dân rằng hành vi phạm tội phải bị trừng trị nghiêm khắc. Theo đó, mục đích giáo dục, phòng ngừa chung đứng sau mục đích trừng trị. Người áp dụng hình phạt còn chưa thấy được hết lợi ích của việc giảm hình phạt tù và tăng cường áp dụng các hình phạt khác.

Ví dụ: Khoảng 17 giờ ngày 26/03/2015 Vũ Đình Sách có giấy phép lái xe điều khiển xe mô tô chở 02 người ở phía sau là chị Hiền và anh Hay đi từ xã Tiên Phong về hướng phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên. Khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn Vị Khê, do Sách điều khiển xe đi sát mép đường và ngủ gật nên khi phát hiện bà Trần Thị Đảm đang đi bộ dắt xe đạp phía trước cùng chiều đã không kịp xử lý nên đâm vào phía sau xe đạp của bà Đảm, đồng thời đẩy bà Đảm ngã về phía trước gây tai nạn. Bà Đảm được đưa đi cấp cứu nhưng tử vong sau đó.

Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 105.000.000đ, đại diện cho người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản án sơ thẩm 47/2015/HSST ngày 12/08/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, tuyên bố bị cáo Vũ Đình Sách phạm tội “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng khoản 1 Điều 202 BLHS. Xử phạt Vũ Đình Sách 12 tháng tù. [26]

Trong vụ án này, bị cáo không cố ý trong việc để xảy ra tai nạn đối với bà Đảm, sau tai nạn đã đưa người bị hại đi cấp cứu, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình của bị hại số tiền 105.000.000đ, đại diện cho người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo. Theo khoản 1 Điều 202 BLHS thì trường hợp của bị cáo Sách có thể có thể bị áp dụng hình phạt như bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Điều luật quy định cho người áp dụng hình phạt linh hoạt trong việc áp dụng hình phạt để “trừng trị” hành vi vi phạm của bị cáo. Trong trường hợp này có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo mà không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

- Thứ hai, sai sót, vướng mắc trong xác định các tình tiết, chứng cứ của vụ án. Đánh giá các tình tiết chứng cứ trong vụ án hình sự không đúng, dẫn đến quyết định mức hình phạt không chính xác.

Ví dụ: Bản án hình sự số 41/2016/HSST ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.[28]

Khoảng 09 giờ ngày 02/02/2016 tổ công tác công an thị xã Quảng Yên tiến hành kiểm tra hành chính nơi ở của Nguyễn Quốc Toàn tại xóm 8, xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh thu giữ trong phong ngữ của toàn một hộp giấy hình chữ nhật bên ngoài dán băng dính đen, bên trong có 04 túi nilon nhỏ màu trắng không đựng chất gì và một số tài sản, đồ vật khác, đã tiến hành niêm phong theo đúng quy định.

Tại Kết luận giám định số 156/GDMT ngày 02/02/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 04 túi nilon ký hiệu M1, M2, M3, M4 gửi giám định có thành phần Methamphetamine, cân nặng của chất tinh thể màu trắng trong mỗi tuosi nilon là: M1: 14,01g; M2: 2,6g; M3: 1,58g; M4: 1,76g. Tổng trọng lượng là 19,97g.

Tại cơ quan điều tra Toàn khai nhận đã sử dụng ma túy từ tháng 07/2015, Toàn nhiều lần mua ma túy từ đối tượng tên Bình ở Uông Bí mang về dùng cân tiểu ly chia nhỏ cho vào các túi nilon, bán lại cho các đối tượng sử dụng ma túy trên địa bàn xã Liên Vị, xã Liên Hòa gồm: Lê Văn Xây, Hoàng Văn Chung với giá từ 200.000đ đến 500.000đ.

Đối tượng Hoàng Văn Chung có lời khai thể hiện tháng 11/2015, Chung có đến nhà Toàn mua một gói ma túy để sử dụng với số tiền là 200.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc Toàn phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Quốc Toàn 05 năm 06 tháng tù.

Nhận thấy trong vụ án này thể hiện: Tháng 11/2015, Toàn có hành vi mua bán 01 túi ma túy với giá 200.000đ cho Hoàng Văn Chung. Tiếp đến ngày 02/02/2016, công an kiểm tra phát hiện Toàn đang tàng trữ 19,97g ma túy loại Methaphetamin nhằm mục đích để bán cho người khác kiếm lời. Như vậy, theo quy định tại tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999 thì hành vi tàng trữ 19,97g ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích để bán được xác định là một lần bán ma túy. Nên bị cáo Tòa phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần”, nhưng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 194 BLHS là không đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi của bị cáo và áp dụng làm căn cứ pháp luật để xử lý đối với bị cáo là chưa chính xác.

Bản án này đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị hủy để điều tra, truy tố, xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm đã chấp kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Thứ ba, quyết định hình phạt không đúng (quá nặng; quá nhẹ; cho hưởng án treo không đúng...)

Trong khi xét xử các vụ án hình sự, do Hội đồng xét xử đã xác định không đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, xác định sai khung hình phạt, điểm khoản và điều luật áp dụng... dẫn đến có những sai sót vướng mắc trong việc áp dụng hình phạt không đúng pháp luật đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể như sau:

+ Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo không đúng, dẫn đến quyết định hình phạt cho hưởng án treo không đúng.

Ví dụ: Bản án hình sự số 50/2016/HSST ngày 05/05/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh [30].

Khoảng 21 giờ ngày 19/01/2016, Nguyễn Chí Thanh cùng bạn Trần Quang Thắng, Nguyễn Hòa Nam, Nguyễn Đức Bắc và Phú đến hát tại phòng 306 quán karaoke Tân Việt Bắc thuộc phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh. Khoảng 23 giờ ra quầy lễ tân thanh toán tiền, Thanh ra lấy xe ô tô điều khiển đến trước cửa quán để đón Thắng. Trước đó, Nguyễn Văn Thường, Bùi Thế Đạt, Nguyễn Ngọc Khánh, Mai Anh Tuấn cũng đang ở cửa quán chờ xe taxi do Đạt và Thường say rượu. Thấy Thanh lái xe đến, Thường ra trước đầu xe chặn xe lại, Đạt đứng gần bánh trước phía bên trái xe. Sau khi Thắng lên xe, Thanh nói với Đạt cho đi nhờ, Đạt nói xe Thanh đè lên chân Đạt, khi Thanh lùi xe thì Đạt xông lên mở cửa xe đập nhiều nhát vào người Thanh. Khi Thanh bỏ chạy ra ngoài thì Thường và Đạt xông đạt dùng tay, chân đánh, Khánh cầm bình rượu bằng kim loại đập liên tiếp vào người Thanh. Vì bị đánh đau, Thanh rút con dao đa năng trong túi quần đâm một nhát vào ngực Đạt, 1 nhát vào bụng Thường, Thường và Đạt tiếp tục xông vào đánh Thanh. Thanh bỏ chạy, Đạt và Thường tiếp tục đuổi đánh được 1 đoạn thì Đạt gục ngã và tử vong khi đi cấp cứu.

Căn cứ vào các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử kết luận: Nguyễn Chí Thanh phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” theo khoản 1 Điều 96 BLHS. Nguyễn Văn Thường phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 BLHS. Về nhân thân: Nguyễn Văn Thường có hành vi gây rối, tấn công Nguyễn Chí Thanh dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Chí Thanh làm Bùi Thế Đạt tử vong, nên bị hại có lỗi. Xét hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, phạm tội ít nghiêm trọng nên cho các bị cáo tự cải tạo. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS xử phạt Nguyễn Văn Thường 12 tháng tù cho hưởng án treo.

Trong lý lịch của bị cáo Nguyễn Văn Thường thể hiện nhân thân: Năm 2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng về tội “Cố ý gây thương tích. Năm 2010 bị cáo bị Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 3 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”. Như vậy, bị cáo có nhân thân xấu và không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, cả hai tiền án của bị cáo Thường đều là loại xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác; lần phạm tội này nguyên nhân do chính là hành vi của Thường, Đạt gây ra. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” đối với thường là không đúng. Vì vậy, Tòa án áp dụng pháp luật đối với bị cáo Thường không đúng, cho bị cáo được hưởng án treo là không đúng với Nghị quyết số 01/2013/HĐTP-TANDTC ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo.

Bản án này đã bị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm về phần hình phạt của Nguyễn Văn Thường. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận định bị cáo mặc dù được xóa án tích nhưng thể hiện có nhân thân xấu, không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là không đúng nên đã quyết định hủy bản án sơ thẩm về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Thường để xét xử lại.

+ Áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không đúng, dẫn đến quyết định mức hình phạt quá nặng, quá nhẹ. Ví dụ: Bản án số 08/2017/HSST ngày 28/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh [29].

Khoảng 07 giờ ngày 09/11/2016, anh Từ Văn Minh đang chuẩn bị xây tường rào trên khu đất gia đình được cấp. Khi anh Minh đang căng dây để đặt gạch thì bà Tạ Thị Lường đi đến, dùng lời nói ngăn cản anh Minh, hai bên xảy ra cãi nhau về việc tranh chấp khu đất anh Minh đang xây dựng. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Liêu Văn Sáng là con trai bà Lường đi xe máy đến thì thấy

anh Minh đang cãi nhau với bà Lường. Trong lúc cãi nhau anh Minh vẫn mang gạch xuống xếp dưới khu đất ruộng để xây dựng thì bà Lường đi đến chỗ anh Minh vừa xếp gạch trước đó, cúi xuống để dùng tay bê gạch. Anh Minh dùng xẻng chọc mấy nhát xuống gạch để dọa bà Lường. Thấy vậy, Sáng chạy xuống cầm một chiếc xẻng cán gỗ dài khoảng 1,5m, lưỡi rộng 25cm x 20cm, nằm ở dưới đất, gần sau lưng bà Lường, rồi tiến đến dùng xẻng đập một nhát vào phần đầu bên trái của anh Minh làm anh Minh ngã xuống đất.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 436/2016/TgT ngày 22/11/2016 của Phòng giám định pháp y tỉnh Quảng Ninh kết luận: Căn cứ vào bảng tỷ lệ tổn thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 15% sức khỏe. Tổn thương do vật tày gây nên.

Bản cáo trạng số 09/KSĐT-HS ngày 23/02/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn truy tố Liêu Văn Sáng, về tội: “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt Liêu Văn Sáng 24 tháng tù.

Trong vụ án này, hành vi của bị cáo Sáng là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Giữa bị cáo phạm tội với người không có mâu thuẫn với mình, chỉ thấy mẹ là bà Lường và anh Minh có lời cãi nhau ngăn cản việc xây tường rào, bị cáo đã đến cầm xẻng đập vào đầu anh Minh gây thương tích 15%. Hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 104 BLHS “Có tính chất côn đồ” đối với bị cáo để làm căn cứ quyết định hình phạt là chưa phù hợp, dẫn đến hình phạt chưa tương xứng với hành vi bị cáo gây ra.

+ *Áp dụng hình phạt tù có thời hạn chưa công bằng, thiếu thống nhất.*

Ví dụ 1: Khoảng 16 giờ ngày 11/04/2015 Nguyễn Anh Công (có giấy phép lái xe) điều khiển xe ô tô đi từ hướng phường Yên Hải về phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, khi đi đến đoạn đường thuộc khu 5, phường Nam Hòa,

thị xã Quảng Yên, thì phát hiện cháu Nguyễn Tú Anh, sinh năm 2013 chạy từ lề đường bên phải để sang bên trái đường theo hướng xe ô tô của Công. Công đã đánh lái xe ô tô sang phía phần đường bên trái để tránh, khi cháu Tú Anh chạy cách mép đường bên trái 1,5m thì bị xe ô tô đâm gây tai nạn, cháu Tú Anh tử vong sau khi đưa đi cấp cứu. Sau khi tai nạn xảy ra, gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 110.000.000đ và gia đình bị hại đã có đơn đề nghị miễn giảm truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản án sơ thẩm Bản án số 46/2015/HSST ngày 07/08/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh [27], tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Công phạm tội “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 BLHS. Xử phạt Nguyễn Anh Công 18 tháng tù cho hưởng án treo.

Ví dụ 2: Khoảng 17 giờ ngày 26/03/2015 Vũ Đình Sách có giấy phép lái xe điều khiển xe mô tô chở phía sau chị Vũ Thị Hiền và anh Nguyễn Quang Hay đi từ xã Tiên Phong về hướng phường Phong Cốc, thị xã Quảng Yên. Khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn Vị Khê, do Sách điều khiển xe đi sát mép đường và ngủ gật nên khi phát hiện bà Trần Thị Đảm đang đi bộ dắt xe đạp phía trước cùng chiều đã không kịp xử lý nên đâm vào phía sau xe đạp của bà Đảm, đồng thời đẩy bà Đảm ngã về phía trước gây tai nạn. Bà Đảm được đưa đi cấp cứu nhưng tử vong sau đó.

Sau khi tại nạn xảy ra, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 105.000.000đ, đại diện cho người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản án sơ thẩm 47/2015/HSST ngày 12/08/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh [26], tuyên bố bị cáo Vũ Đình Sách phạm tội “vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Áp

dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt Vũ Đình Sách 12 tháng tù.

Tại hai bản án trên các bị cáo đều bị xét xử theo khoản 1 Điều 202 BLHS. Hành vi của các bị cáo tương tự nhau, đều áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS, bị cáo Công bồi thường 110.000.000đ còn bị cáo Sách cũng đã bồi thường 105.000.000đ. Nhưng mức án của hai bị cáo lại khác nhau. Việc có sự khác nhau ở mức án và biện pháp chấp hành hình phạt tù có sự khác nhau quá lớn, chưa thể hiện được sự công bằng, và có sự chưa thống nhất, mang tính tùy nghi cao. Hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Sách có phần quá nghiêm khắc, không thể hiện được sự khoan hồng và không mang tính giáo dục, phòng ngừa chung. Điều này làm ảnh hưởng tới chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Bản án số 47/2015/HSST ngày 12/08/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên bị kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã chấp nhận kháng cáo của bị cáo chuyển biện pháp chấp hành hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc

Những hạn chế, vướng mắc nêu trên của các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xảy ra khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn do nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu tập trung ở những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân về nhận thức:

Nguyên nhân đầu tiên dẫn tới những hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng hình phạt nói chung và hình phạt tù có thời hạn nói riêng xuất phát từ nhận thức của những người áp dụng hay nói cách khác là của các thành viên trong HĐXX. Và một phần đáng kể từ nhận thức của các công dân trong xã hội. Tất cả đều có điểm chung là chưa nhận thức đúng đắn vai trò của hình phạt, quá coi trọng mục đích trừng trị của hình phạt mà xem nhẹ vai trò, tác dụng của các hình phạt nhẹ hơn phạt tù... Hình phạt được áp dụng không chỉ để trừng trị người phạm tội mà mục đích tốt đẹp hơn hình phạt hướng tới đó là giáo dục

người phạm tội ý thức tuân theo pháp luật, quy tắc của cuộc sống và ngăn ngừa họ phạm tội mới. Nhưng để trừng trị người phạm tội thì có nhất thiết phải áp dụng hình phạt mang tính cách ly người phạm tội khỏi đời sống xã hội hay không. Hiện nay, không chỉ người dân mà cả những người trực tiếp áp dụng hình phạt đều có suy nghĩ đã phạm tội là phải trừng trị bằng biện pháp cách ly khỏi đời sống xã hội thì mới cải tạo tốt, thành công dân có ích cho xã hội. Điều này đang gây quá tải cho hệ thống cơ sở giam giữ người bị kết án vì số lượng quá nhiều. Qua các phân tích của chương trước thấy số lượng bị cáo bị áp dụng hình phạt tù lớn nhưng trong đó phần lớn lại thuộc mức hình phạt từ 3 năm trở xuống, có rất nhiều người bị kết án chỉ mấy tháng tù. Với thời gian chấp hành án ngắn như thế thì việc giáo dục, cải tạo có đạt được kết quả tốt là rất khó. Việc giam giữ họ trong thời gian ngắn là không cần thiết, để trừng trị người phạm tội còn rất nhiều hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thể áp dụng, mà vẫn đảm bảo được mục đích trừng trị và giáo dục cải tạo.

- Bất cập của Bộ luật hình sự.

Một số quy định trong bộ luật hình sự còn chưa đầy đủ, hoặc có những quy định không rõ ràng, chưa kịp thời sửa đổi, nên có những cách áp dụng khác nhau. Như việc quy định khung hình phạt tù có thời hạn với khoảng cách quá rộng giữa mức tối thiểu và mức tối đa dẫn đến áp dụng hình phạt tù có thời hạn của hội đồng xét xử chưa phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà người bị kết án đã thực hiện. Qua thực tế áp dụng hình phạt tù đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp chấp hành hình phạt tù khác nhau dù trong cùng một khoản, cùng một hành vi, hậu quả xảy ra như nhau nhưng có trường hợp cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội, trường hợp áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo. Hay khó khăn khi áp dụng Điều 47 của BLHS năm 1999 để cân nhắc khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhẹ hơn quy định của Bộ luật quy định “Khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, Tòa án có thể quyết

định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt...”[18]. Điều này tạo nên hai cách hiểu khác nhau khi áp dụng trong thực tiễn: thứ nhất có thể hiểu là hai tình tiết của khoản 1 Điều 46 phải là hai điểm thuộc khoản 1 Điều 46, cách hiểu thứ hai là chỉ cần hai tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 Điều 46 không nhất thiết ở hai điểm khác nhau, có thể cùng một điểm được quy định ghép nhiều tình tiết. Điều 54 BLHS năm 2015 cũng chưa quy định rõ để thực sự có cách hiểu thống nhất về vấn đề này. Ngoài ra, Quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS: Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ chồng, con của liệt sĩ chưa phù hợp với thực tế. Theo Pháp lệnh Số: 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì người có công với cách mạng quy định như sau:

“1. Người có công với cách mạng:

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;*
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;*
- c) Liệt sĩ;*
- d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;*
- đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;*
- e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;*
- g) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;*
- h) Bệnh binh;*
- i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;*
- k) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;*
- l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;*
- m) Người có công giúp đỡ cách mạng.” [38]*

Thực tiễn xét xử cho thấy tuổi bị cáo bị cáo còn trẻ nên dựa trên quy định về Người có công nêu trên rất nhiều bị cáo không thể đáp ứng được điều kiện để được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Như vậy, vô hình chung đi trái với yêu cầu thực hiện chính sách hình sự hướng thiện, giảm hình phạt tù, tăng cường các tình tiết không phải hình phạt tù...trong công cuộc cải cách tư pháp. Chính từ những thiếu sót trong các quy định của Bộ luật hình sự, dẫn tới việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn vẫn còn những thiếu sót, ảnh hưởng đến mục đích hình phạt tù có thời hạn, gây bức xúc trong dư luận.

- Hạn chế trong hướng dẫn áp dụng pháp luật.

Theo Hiến pháp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có quyền giải thích luật và pháp lệnh. Song thực tế, Ủy ban này hầu như chưa thực hiện được nhiệm vụ, quyền hạn này, bởi sự "quá tải" trong công tác xây dựng pháp luật theo sự ủy quyền của Quốc hội. Nên mọi vướng mắc trong việc ADPL nói chung áp dụng hình phạt tù có thời hạn nói riêng đều dựa vào văn bản hướng dẫn ADPL của các cơ quan tư pháp ở trung ương mà chủ yếu là TANDTC. Hình thức văn bản chủ yếu là các thông tư liên tịch, nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Thực tế văn bản hướng dẫn áp dụng hình phạt còn chưa kịp thời, dẫn đến nhiều khó khăn, lúng túng cho hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn của Tòa án địa phương. Nguyên nhân chủ yếu do TANDTC vẫn còn chậm trong công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn kịp thời các vướng mắc trong quá trình áp dụng hình phạt nói chung và hình phạt tù có thời hạn của Tòa án các cấp.

- Trình độ, năng lực, phẩm chất Thẩm phán, Hội thẩm.

Ngoài những khó khăn mang tính khách quan, một trong những khó khăn thường gặp là trình độ, năng lực và phẩm chất của Thẩm phán, Hội thẩm. Sau khi Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 có hiệu lực thi hành đồng thời với việc tăng thẩm quyền là sự gia tăng số lượng án hình sự, các vụ án ngày càng phức tạp, thủ đoạn của tội phạm ngày một tinh vi. Bên cạnh đó là việc

thiếu biên chế do chủ trương của Đảng và nhà nước về việc không tăng biên chế hiện có. Vì vậy, dẫn đến áp lực lớn đối với đội ngũ cán bộ tòa án, một nguyên nhân dẫn đến tình trạng bản án còn bị hủy, sửa. Ngoài ra, còn có những thẩm phán chưa vững vàng về bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp. Một số thẩm phán còn thiếu sự cẩn trọng dẫn đến bỏ sót một số tình tiết quan trọng ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Trình độ năng lực của một bộ phận Hội thẩm chưa theo kịp yêu cầu ngày càng cao của công tác xét xử. Các hội thẩm chủ yếu kiêm nhiệm, đa số hạn chế về kiến thức pháp lý nên thời gian giành cho việc nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi xét xử chưa nhiều. Việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ Hội thẩm vẫn còn khiêm tốn nên cũng ảnh hưởng đến việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong giải quyết các vụ án hình sự.

- *Các yếu tố tác động khác.*

+ Việc đề ra những giải pháp mang tính đột phá nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động xét xử các vụ án hình sự được tiến hành còn chậm, có lúc có nơi còn chưa đồng bộ, đặc biệt trong việc áp dụng hình phạt còn chưa được thống nhất.

+ Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc của các cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu, chưa đảm bảo và chưa ổn định. Bên cạnh đó những tác động của tiêu cực xã hội cũng ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

+ Chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức công tác trong hệ thống tòa án chưa thật sự phù hợp, chưa đủ để bảo đảm họ thật sự khách quan, vô tư trong hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

+ Công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử các vụ án hình sự của Lãnh đạo Tòa án nhân dân các cấp chưa thường xuyên, nên chưa phát hiện được thiếu sót để có những biện pháp chấn chỉnh và khắc phục kịp thời.

Vẫn còn có những can thiệp của cá nhân, áp lực không đúng từ dư luận đến việc áp dụng hình phạt của Tòa án.

Tiểu kết Chương 2

Qua thực tiễn tình hình hình tội phạm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nhận thấy: Hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn đã đạt được những kết quả tốt, bản được đưa ra xét xử đạt tỷ lệ cao, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm cũng như không kết án oan người vô tội. Nhưng bên cạnh những kết quả đã đạt được đó, hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn vẫn còn những hạn chế, vướng mắc dẫn đến áp dụng hình phạt tù có thời hạn chưa đáp ứng được mục đích răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa.

Những hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn do nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là những bất cập trong quy định của Bộ luật hình sự, sự hạn chế khi hướng dẫn áp dụng pháp luật và năng lực của chủ thể áp dụng.

Chương 3

YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG HÌNH PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN

3.1. Các yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn

3.1.1. Yêu cầu cải cách tư pháp

Để nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn không phải là nhiệm vụ riêng của Tòa án nhân dân - cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện quyền tư pháp mà còn là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị. Và để việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đạt kết quả tốt cần phải đáp ứng nhiều yêu cầu trong đó có yêu cầu về cải cách tư pháp. Trong thời gian qua, công tác tư pháp vẫn còn những hạn chế, bất cập: Trường hợp bỏ lọt người phạm tội còn xảy ra; làm oan người không có hành vi phạm tội; áp dụng hình phạt tù có thời hạn chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Điều này làm ảnh hưởng tới quyền con người, quyền công dân và tạo ra dư luận không tốt trong xã hội. Nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do dân và vì dân, Bộ chính trị đã ban hành các nghị quyết để định hướng về công tác cải cách tư pháp: Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2018 về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Từ định hướng của Đảng, công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật và hoạt động áp dụng pháp luật phải trên tinh thần cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết số 49 thể hiện mục tiêu của của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp: *“Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh*

bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người” [4]. Để thực hiện được những mục tiêu cải cách tư pháp đặt ra, cũng như nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn cơ quan lập pháp cần phải thể chế hóa cụ thể các các tình tiết có ý nghĩa và ảnh hưởng trực tiếp đến việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Tòa án – cơ quan xét xử cần vận dụng linh hoạt các quy định của pháp luật, xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội để đưa ra mức hình phạt tù có thời hạn đảm bảo thấu tình, đạt lý, đảm bảo yêu cầu của cải cách tư pháp.

3.1.2. Yêu cầu thực hiện chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa, giảm hình phạt tù, tăng cường các hình phạt không phải tù; thực hiện đường lối xử lý.

Mục đích của hình phạt nói chung và hình phạt tù có thời hạn nói riêng không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn vì mục đích giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Làm sao để bản thân người phạm tội khi đã nhận ra lỗi lầm của mình có cơ hội để sửa chữa. Bên cạnh đó, cũng giảm tải cho các cơ quan chức năng trong khi thực hiện nhiệm vụ “trừng trị” trong mục đích của hình phạt. Vì hiện tại các cơ sở giam giữ đang trong tình trạng quá tải, thiếu chỗ để giam giữ người bị kết án và chi phí cho việc giam, giữ một phạm nhân không hề nhỏ. Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng thể hiện: Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm. Hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm. Khắc phục tình trạng hình sự hóa quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm. Quy định tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã

hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, kho học, công nghệ và hội nhập quốc tế...Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định trong việc áp dụng các biện pháp tạm giam.

Trên cơ sở đó Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã thể chế hóa thành quy định cụ thể được ghi nhận tại Điều 3. Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội: Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra; Trường hợp người phạm tội lần đầu ít nghiêm trọng thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục.

3.1.3. Yêu cầu bảo đảm quyền con người, bao gồm của người bị kết tội

Bảo đảm quyền con người là một trong những nội dung và cũng là mục đích của xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta. Chăm lo cho con người, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho con người phát triển toàn diện trong thực hiện các chính sách kinh tế xã hội, trong các hoạt động của Nhà nước là những quan điểm cơ bản được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Nhà nước ta.

Hình phạt tù có thời hạn buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định. Người bị kết án sẽ bị cách ly khỏi đời sống xã hội, bị hạn chế một số quyền nhất định theo thời hạn bản án, quyết định của tòa án đã tuyên. Người bị kết án khi chấp hành hình phạt tù có thời hạn tại trại giam chỉ được đưa vào buồng giam những đồ dùng cần thiết,

tư trang chưa dùng đến phải gửi trại giam, việc chuyển giao tiền, tư trang đồ dùng cho người thân ở bên ngoài phải được thực hiện thông qua cơ sở giam giữ, họ không được sử dụng tiền mặt, giấy tờ có giá tại nơi chấp hành án. Bên cạnh những hạn chế đó, người bị kết án còn phải chịu áp lực từ dư luận xã hội, bạn bè, người thân. Thực tế, trong xã hội mặc chưa có bản án có hiệu lực của cơ quan xét xử nhưng đa phần các bị can, bị cáo đều bị những người khác coi là tội phạm và bị phân biệt đối xử so với những công dân bình thường khác. Điều này gây ảnh hưởng xấu tới tâm lý cũng như quá trình hòa nhập trở lại với cộng đồng của bị can, bị cáo, người bị kết án. Nhiều trường hợp họ không thể hòa nhập lại được cuộc sống cùng cộng đồng như trước khi họ bị kết án, chưa kể đến họ không thể tìm được công việc bởi lý lịch không tốt.

Thực hiện chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất biện pháp cưỡng chế... trong áp dụng hình phạt, nhất là hình phạt tù cũng chính là biện pháp cần thiết bảo vệ quyền con người trong áp dụng hình phạt. Chính vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, hội thẩm nhân dân, thư ký... phải chú trọng đảm bảo quyền con người của bị can, bị cáo, như các quyền: Được nhận quyết định khởi tố bị can, quyết định đưa vụ án ra xét xử, được giải thích quyền và nghĩa vụ của mình, được đưa ra chứng cứ tài liệu, trình bày quan điểm, quyền bào chữa, nhờ người bào chữa, nhận bản, án quyết định của tòa án...trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án nếu xét thấy không cần tạm giam bị can tòa án có thể quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn trên cơ sở đề nghị của bị can.

Tại phiên tòa xét xử, khi xác định các tình tiết vụ án làm căn cứ áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử phải đảm bảo cho bị cáo quyền được đưa ra tài liệu, chứng cứ, trình bày lời khai, hỏi người tham gia phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, xem biên bản phiên tòa. Hội đồng xét xử phải xem xét, quyết định trên cơ sở nguyên tắc: Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật, Suy đoán vô tội, Xác

định sự thật của vụ án, Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai...

Chỉ khi đảm bảo được quyền con người của bị can, bị cáo, người bị kết án thì hình phạt tù có thời hạn do hội đồng xét xử áp dụng mới đạt được tác dụng theo đúng mong muốn.

3.1.4. Yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm

Một trong những yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn chính là yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh nhìn chung có giảm về số vụ nhưng tính chất vụ việc thì ngày càng nguy hiểm phức tạp hơn: Nhiều vụ án có sự tham gia của hàng trăm bị cáo ở nhiều độ tuổi và tỉnh thành khác nhau trong cả nước, có trang bị cả vũ khí đã diễn ra và bị đưa ra xét xử trong thời gian qua. Các bị can, bị cáo phạm tội có tổ chức, sử dụng thủ đoạn tinh vi để thực hiện hành vi phạm tội, khi bị phát hiện thì sử dụng biện pháp chống trả quyết liệt để tẩu thoát. Từ thực tiễn xét xử cho thấy hàng năm vẫn còn bị cáo bị đưa ra xét xử thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần đầu, các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm có nhiều nguyên nhân: Do ăn chơi đua đòi, không có công ăn việc làm, nghiện ma túy, lười biếng...nhưng phần lớn đều có điểm chung là không chịu lao động, thích hưởng thụ nên khi gia đình bị cáo không đáp ứng được nhu cầu thì các bị cáo nảy sinh ý định phạm tội và thực hiện hành vi phạm pháp. Nguyên nhân nữa là do hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với bị cáo chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện. Qua công tác xét xử của các tòa án nhân dân thấy hình phạt tù có thời hạn luôn được ưu tiên áp dụng trong đó hình phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm được áp dụng nhiều nhất.

Đối với những trường hợp bị cáo bị tuyên 06 tháng đến 3 năm tù, đặc biệt là 06 tháng tù thì thời hạn tù này không thể đảm bảo bị cáo sẽ được giáo dục, cải tạo nhận thấy sai lầm khắc phục. Với mức phạt tù 06 tháng này thì

không có tác dụng răn đe đối với các đối tượng đang có ý định phạm tội.

Ngược lại, đối với những bản án có mức hình phạt tù ở mức cao thì khi bị cáo chấp hành xong hình phạt thì khó khăn trong việc hòa nhập cộng đồng, cuộc sống. Bởi sự đề phòng, coi thường từ người xung quanh, khó khăn để tìm được công việc đảm bảo trang trải được cho cuộc sống và tuổi cũng lớn. Điều đó tác động để họ trở lại con đường cũ, tiếp tục phạm tội.

Mặt khác, đối với những người phạm tội lần đầu mặc dù khung hình phạt tù có thời hạn áp dụng với họ không cao, nhưng việc bị cách ly khỏi gia đình, cộng đồng gây bất ổn về tâm lý, người bị kết án cảm thấy dằn vặt, xấu hổ vì đã từng ngồi tù nên không còn ý trí phấn đấu vươn lên mà sa ngã vào các tệ nạn khác trong xã hội.

Vì vậy, để công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm đạt được kết quả tốt thì việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn phải được nâng cao, thấu tình đạt lý.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

3.2.1. Giải pháp về nhận thức

Nhận thức đầy đủ, đúng đắn về chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng phòng ngừa, mục đích hình phạt và vai trò hình phạt tù. Một mục đích quan trọng của hình phạt nói chung và hình phạt tù có thời hạn nói riêng là giáo dục người phạm tội ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Làm sao để bản thân người phạm tội nhận ra lỗi lầm của mình, sửa chữa được mà không cần cách ly với đời sống xã hội. Điều này đòi hỏi sự phối hợp của các cơ quan có thẩm quyền để xây dựng lên các chương trình, các buổi hội thảo, tập huấn về chính sách hình sự hướng thiện trong xử lý người phạm tội, đề cao hiệu quả phòng ngừa theo chỉ đạo của Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Nhận thức mục đích của hình phạt, vai trò của hình phạt tù. Chỉ có nhận thức và hiểu rõ mục đích hình phạt hướng tới cũng như vai trò của hình phạt tù chúng ta mới có thể thực hiện được chính sách hình sự hướng thiện, đề

cao được tính phòng ngừa. Cần phải làm cho không chỉ những người trực tiếp áp dụng hình phạt mà cả người dân đều hiểu và nhận thấy được bản chất và lợi ích của chính sách hình sự hướng thiện, mục đích hình phạt và vai trò của hình phạt tù là: Không phải không trừng trị người phạm tội mà vẫn chịu sự trừng trị nhưng theo cách giảm tối đa gánh nặng cho Nhà nước, cho xã hội và người phạm tội họ tự nguyện thực hiện, phấn đấu cải tạo.

Tăng cường nghiên cứu khoa học, tuyên truyền pháp luật, tạo sự đồng thuận trong xã hội về chính sách hình phạt ở nước ta. Việc thay đổi tư duy nhận thức của người dân hay những người áp dụng pháp luật không thể hoàn thành trong thời gian ngắn mà cần quá trình lâu dài. Đòi hỏi các cơ quan chức năng có thẩm quyền phải có kế hoạch tuyên truyền khoa học để phổ biến quan điểm về chính sách hình sự hướng thiện tới toàn dân để người dân hiểu và đồng tình với các quyết định sau này của Tòa án.

3.2.2. Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự

Để nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn, yêu cầu những người tiến hành tố tụng phải nắm chắc các quy định của Bộ luật hình sự, luôn cập nhật các văn bản hướng dẫn pháp luật đồng thời đưa ra các đề xuất, giải pháp hoàn thiện phù hợp với quy định và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Quyết định của bản án phải đảm bảo có đủ căn cứ, thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật.

Đối với pháp luật hình sự, dù đã qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn còn những bất cập hạn chế so với đòi hỏi của thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuy rằng mới được ban hành nhưng cũng không tránh khỏi có những bất cập, hạn chế. Vì vậy, trong thời gian tới đây cần phải tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi cho thật khoa học, có hệ thống, đồng bộ, cụ thể và chặt chẽ hơn trong phần chung và phần các tội phạm, trình tự áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bảo đảm quy định của pháp luật vừa chính xác, công bằng, nhân đạo và dễ áp dụng. Các

chế tài về hình phạt phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đảm bảo cho việc quyết định phạt đúng; hoàn thiện các căn cứ áp dụng hình phạt phải đúng mục đích của hình phạt, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt: Phạm tội chưa đạt, chuẩn bị phạm tội, đồng phạm, miễn hình phạt...cụ thể:

- Quy định về khoảng cách tối thiểu và tối đa trong một khung hình phạt tù có thời hạn. Hiện nay, quy định khoảng cách giữa mức tối thiểu và tối đa trong một khung hình phạt vẫn còn quá rộng, tối thiểu là 03 tháng và tối đa là 20 năm. Ưu điểm khi quy định khoảng cách giữa mức tối thiểu và tối đa rộng là trong nhiều trường hợp khác nhau xảy ra, hội đồng xét xử có thể áp dụng linh hoạt mức hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện sau khi xem xét, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, nó cũng mang đến nhược điểm đó là sự áp dụng tùy tiện, không thống nhất, thiếu chính xác trong việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn, không đảm bảo tính công bằng, quyền con người và yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm. Vì vậy, chế tài quy định đối với các tội phạm cụ thể cần được hoàn thiện theo hướng rút ngắn khoảng cách giữa mức tối thiểu và tối mức tối đa của khung hình phạt, chia nhỏ các khung hình phạt, tăng cường chế tài tùy nghi lựa chọn giữa các hình phạt không phải là hình phạt tù.

Bên cạnh đó, quy định mức hình phạt tù có thời hạn tối thiểu là 03 tháng mặc dù thể hiện sự tiến bộ của pháp luật hiện hành so với pháp luật hình sự trước đây nhưng trong bối cảnh hiện nay thì quy định này không còn phù hợp. Việc quy định mức tối thiểu là 03 tháng không phát huy được hiệu quả của hình phạt trong thực tiễn, không kể đến đây sẽ là nguyên nhân dẫn tới tình trạng quá tải tại các cơ sở giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tù có thời hạn là 03 tháng có đảm bảo thời gian để người bị kết án cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội không? Theo quan điểm của tác giả với thời gian chấp hành án 03 tháng, người phải chấp hành án không có đủ thời gian để hưởng các chính

sách về giảm thời hạn chấp hành hình phạt, học nghề, không khuyến khích được ý thức tự cải tạo của bản thân. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung nâng mức tối thiểu của hình phạt tù có thời hạn từ 03 tháng lên thành 08 tháng. Điều này góp phần làm giảm tình trạng áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong xét xử quá nhiều, đồng thời đảm bảo được yêu cầu cải cách tư pháp. Ngoài ra, còn khuyến khích chủ thể áp dụng hình phạt xem xét, áp dụng các hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù có thời hạn, tạo nên sự cân đối giữa các loại hình phạt trong hệ thống hình phạt.

- Quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo người bị áp dụng hình phạt được hưởng quyền lợi phù hợp với chính sách pháp luật của Nhà nước, theo đó cần quy định điểm x như sau: Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ chồng, con của liệt sĩ cần được sửa đổi, bổ sung thành: Người phạm tội là người có công với cách mạng; là vợ, chồng, con của người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ chồng, con của liệt sĩ. Cần ban hành hướng dẫn về cách hiểu tại Điều 54 BLHS năm 2015, theo hướng hai tình tiết giảm nhẹ có thể thuộc hai điểm khác nhau của khoản 1 Điều 51 hoặc cùng thuộc một điểm của khoản 1 Điều 51.

Ngoài việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về hình phạt tù có thời hạn, về chế tài các tội phạm còn cần hoàn thiện các quy định liên quan đến quyết định hình phạt vì quyết định hình phạt là nội dung quan trọng trong hoạt động xét xử. Khi quyết định hình phạt phù hợp mới có khả năng cải tạo và giáo dục người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, tạo được tác dụng phòng ngừa. Ngược lại nếu quyết định hình phạt không đúng thì chắc chắn không đạt được mục đích của hình phạt đó. Từ thực tiễn công tác xét xử đặt ra yêu cầu khắc phục sự chênh lệch trong việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn và những loại hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù, nhất là đối với những người phạm tội ít nguy hiểm, những người đồng phạm.

3.2.3. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổng kết rút kinh nghiệm áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xây dựng và ban hành án lệ

Trong thời gian qua Quốc hội đã thông qua Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn thi hành hai bộ luật trên còn chưa đầy đủ nên khi áp dụng sẽ không tránh khỏi những khó khăn trong việc hiểu và áp dụng đúng tinh thần của điều luật. Mặt khác, các quy chế phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành với tòa án còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ dẫn tới thời gian xét xử vụ án kéo dài, gặp nhiều khó khăn.

Do văn bản hướng dẫn cho hoạt động xét xử các vụ án hình sự của TAND tối cao chưa đầy đủ nên thực tiễn xét xử các TAND có sự vận dụng các hướng dẫn của TAND tối cao theo những cách khác nhau thậm chí trong cùng một TAND hoặc giữa các cấp TAND ở trong tỉnh. Bên cạnh đó là trình độ chuyên môn của đội ngũ Hội thẩm nhân dân chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu xét xử. Do đó, đòi hỏi trong thời gian tới cần tiếp tục đổi mới công tác xây dựng pháp luật tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ, dễ thực hiện. Ủy ban thường vụ quốc hội phải tăng cường công tác giải thích pháp luật. Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng hình phạt tù có thời hạn nói riêng một cách thống nhất trên cơ sở tổng kết thực tiễn.

Tổng kết kinh nghiệm xét xử là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống Tòa án nói chung và hệ thống Tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Thông qua hoạt động tổng kết, rút kinh nghiệm về những vấn đề đã làm được, những vấn đề còn vướng mắc, bất cập chúng ta mới rút ra được bài học kinh nghiệm đặc biệt về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xem xét, kiến nghị bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định còn chưa đầy đủ, có cách hiểu khác nhau.

Hàng năm ngoài việc tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời để đảm bảo và nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn cần phải mở thường xuyên hơn nữa các lớp tập huấn về nghiệp vụ cho đội ngũ thẩm phán, hội thẩm

nhân dân. Đối với Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Quảng Ninh, hàng năm đều tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm, mở các lớp tập huấn nghiệp vụ, tổ chức cho cán bộ công chức tham gia các buổi tập huấn trực tuyến do TAND tối cao tổ chức. Vì vậy, nhìn chung chất lượng xét xử các vụ án hình sự, trong đó có chất lượng hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn được nâng cao.

Mặt khác, do việc quy định khoảng cách tối đa và tối thiểu trong khung hình phạt tù có sự chênh lệch lớn, không thống nhất giữa các tòa án, cùng một điều luật có cách hiểu khác nhau và các hành vi phạm tội xảy ra theo chiều hướng phức tạp mà các quy định của pháp luật chưa điều chỉnh hết. Vì vậy, để có cách hiểu thống nhất và đáp ứng yêu cầu đấu tranh kịp thời với tội phạm cần xây dựng và ban hành các án lệ. Ngày 28/10/2015 Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình công bố, lựa chọn và áp dụng án lệ. Theo đó áp dụng án lệ để giải quyết các vụ việc tương tự, bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý giống nhau phải được giải quyết như nhau. Trường hợp áp dụng án lệ thì số bản án, quyết định của Tòa án có chứa đựng án lệ, tính chất, tình tiết vụ việc tương tự được nêu trong án lệ và tính chất, tình tiết vụ việc đang được giải quyết, vấn đề pháp lý trong án lệ phải được viện dẫn, phân tích, làm rõ trong bản án, quyết định của Tòa án; trường hợp không áp dụng án lệ thì phải phân tích, lập luận, nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Tòa án.

Tính đến nay TAND tối cao đã ban hành 16 án lệ, trong đó số lượng án lệ về hình sự chiếm số lượng khá khiêm tốn (mới chỉ có 1), chưa đáp ứng được như cầu xét xử hiện nay. Do đó, trong thời gian tới cần tiếp tục bổ sung các án lệ của các vụ án hình sự để đảm bảo cho việc xét xử án hình sự của các tòa án đạt kết quả cao hơn nữa.

3.2.4. Nâng cao chất lượng của Thẩm phán, Hội thẩm.

Bên cạnh việc xây dựng, ban hành các quy định cho việc áp dụng hình phạt nói chung hay trong việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn nói riêng thì một yếu tố rất quan trọng để nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời

hạn đó là con người mà cụ thể là Thẩm phán và Hội thẩm. Chủ thể trực tiếp thực hiện áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Hình phạt tù có thời hạn là một hình phạt nghiêm khắc, tước một số quyền của người bị kết án, cách ly họ khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định, người bị kết án còn phải chịu cả những hệ lụy xảy ra sau khi họ đã chấp hành hình phạt xong. Vì vậy, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đòi hỏi phải có những thẩm phán, hội thẩm có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức pháp luật cũng như phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với công việc, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước, quy định của pháp luật và trên hết là lợi ích của người dân. Do đó, yêu cầu nâng cao chất lượng của đội ngũ thẩm phán, hội thẩm yêu cầu cấp thiết.

Để có trình độ chuyên môn vững vàng, trước hết Thẩm phán, Hội thẩm phải có trình độ cử nhân luật hoặc tương đương trở lên, có kinh nghiệm sống phong phú, được đào tạo qua các lớp học về kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng hòa giải, tâm lý tội phạm, tâm lý trẻ vị thành niên... Việc áp dụng hình phạt nói chung và áp dụng hình phạt tù nói riêng không phải là sự áp đặt máy móc các quy định của pháp luật mà đòi hỏi Thẩm phán, Hội thẩm phải vận dụng một cách linh hoạt trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài yếu tố năng lực chuyên môn, người Thẩm phán, hội thẩm nhân dân còn phải đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Đây là yếu tố luôn song hành cùng với yếu tố năng lực chuyên môn. Chúng bổ sung cho nhau giúp chủ thể áp dụng hình phạt tù có thời hạn đưa ra được mức hình phạt đúng, đảm bảo cả yếu tố trừng trị và yếu tố giáo dục, cải tạo đối với người phạm tội.

Để nâng cao chất lượng của Thẩm phán, Hội thẩm trước hết cần chú trọng đến quá trình đào tạo, lựa chọn, bổ nhiệm thẩm phán, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, vật chất để thẩm phán được học ở bậc cao hơn. Tổ chức các kỳ thi tuyển chọn thẩm phán một cách nghiêm túc, công bằng. Khi bầu hội thẩm nhân dân cần ưu tiên lựa chọn những người có trình độ pháp lý hoặc đã làm công việc liên quan đến pháp luật. Tiếp đó cần phải tổ chức nhiều

đợt tập huấn, bồi dưỡng, các khóa đào tạo ngắn và trung hạn bằng nhiều hình thức khác nhau về chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức thành các chuyên đề chuyên sâu, về kỹ năng xét xử, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trong công tác xét xử, hướng dẫn thống nhất áp dụng pháp luật... để không ngừng nâng cao năng lực, trình độ và kinh nghiệm xét xử cho các Thẩm phán và Hội thẩm. Thẩm phán và Hội thẩm phải thường xuyên đổi mới, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tra cứu, trao đổi nghiệp vụ cùng đồng nghiệp; sau khi thực hiện áp dụng hình phạt tù có thời hạn phải tự đánh giá rút kinh nghiệm và đưa ra phương hướng khắc phục những điểm còn thiếu sót nếu có, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xét xử, bảo đảm thống nhất nhận thức pháp luật và thống nhất áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án. Không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và đảm bảo pháp luật được tuân thủ tuyệt đối.

Các Thẩm phán, Hội thẩm cũng phải thường xuyên trau dồi, rèn luyện, nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, giữ vững quan điểm lập trường tư tưởng, bản lĩnh nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong công tác, bảo đảm trong hoạt động xét xử Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập và tuân theo pháp luật, bảo đảm chất lượng xét xử của Tòa án ngày càng được nâng cao.

3.2.5. Các giải pháp khác

Ngoài những giải pháp để nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn nêu trên, cần thực hiện thêm các giải pháp như sau:

- Bảo đảm tính độc lập trong xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm: để áp dụng hình phạt tù có thời hạn chính xác thì Thẩm phán, Hội thẩm phải không chịu bất kỳ sự can thiệp nào từ cá nhân, tổ chức nào đó. Phải tạo ra môi trường để Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Bộ luật tố tụng hình sự đã đưa ra nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đồng thời quy định đường lối xử lý đối khi cá nhân, cơ quan, tổ chức can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm, theo đó: Cơ quan, tổ

chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử dưới bất kỳ hình thức nào sẽ bị xử kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật tùy thuộc vào tính chất, mức độ hành vi. Đây không phải là nguyên tắc mới, nhưng trong thực tiễn xét xử thì nguyên tắc này vẫn còn bị vi phạm. Vẫn còn những cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng địa vị, mối quan hệ ràng buộc về một mặt nào đó để can thiệp vào quá trình xét xử. Vì vậy, để đảm bảo tính độc lập của Thẩm phán, hội thẩm khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn cần tạo cơ chế hoạt động đặc thù cho hệ thống tòa án, không chịu sự quản lý, kiểm tra của cơ quan khác về mặt tổ chức...

- Bảo đảm chính sách đãi ngộ cho Thẩm phán, Hội thẩm: Chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ Tòa án nói chung, đối với Thẩm phán, hội thẩm nói riêng hiện nay chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ và tính đặc thù của công tác Tòa án. Vì vậy, cần đổi mới chính sách tiền lương, hệ thống thang, bảng lương của cán bộ, công chức tòa án cho phù hợp với đặc thù nghề nghiệp. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, nâng cấp trụ sở làm việc, đặc biệt cần xây dựng đội ngũ an ninh riêng để bảo đảm an toàn cho cán bộ, công chức tòa án khi làm việc, bảo đảm cho việc xét xử được diễn ra an toàn, nghiêm túc.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; thực hiện giám đốc việc xét xử.

Nghị quyết số 49/NQ-TU ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ: *"Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị và quy định rõ trách nhiệm của người ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ. Xây dựng cơ chế xét xử theo thủ tục rút gọn đối với những vụ án có đủ một số điều kiện nhất định"* [4]. Qua thực tiễn xét xử cho thấy, đa số các bản án đã xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật, thì vẫn còn một số bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng có sai sót như: Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng không đúng pháp luật, quyết định

mức hình phạt không đúng gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; bỏ sót những tình tiết quan trọng của vụ án dẫn đến giải quyết không đúng bản chất của nội dung vụ án.

Ngoài việc giám đốc, kiểm tra của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới, hoạt động xét xử nói chung, áp dụng hình phạt nói riêng của Tòa án cần được kiểm sát từ phía Viện kiểm sát các cấp; được giám sát từ phía các cơ quan dân cử và toàn xã hội; đặc biệt là cơ quan truyền thông.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động xét xử, áp dụng hình phạt tù có thời hạn cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện hoạt động giám đốc việc xét xử của Tòa án nhân dân nhằm đảm bảo cho mọi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật là chính xác, xử lý đúng người, đúng tội phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi do tội phạm thực hiện.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở phân tích, đánh giá về thực trạng áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong chương 2, chương 3 của luận văn đã đưa ra các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bao gồm: Các yêu cầu về: Cải cách tư pháp; thực hiện chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa, giảm hình phạt tù, tăng cường các hình phạt không phải tù, thực hiện đường lối xử lý; bảo đảm quyền con người và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm... Về giải pháp: Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự; tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổng kết rút kinh nghiệm áp dụng hình phạt tù có thời hạn; nâng cao chất lượng của Thẩm phán, Hội thẩm và một số giải pháp khác.

Các giải pháp đưa ra nhằm mục đích nâng cao hơn nữa hiệu quả áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong thực tiễn.

KẾT LUẬN

Trong luận văn của mình, tác giả đã thực hiện việc nghiên cứu lý luận, đánh giá thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh từ đó làm rõ những hạn chế, vướng mắc để đưa ra những yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả có một số kết luận như sau:

1. Áp dụng hình phạt tù có thời hạn là hoạt động áp dụng pháp luật hình sự tiếp theo sau khi định tội danh, thể hiện ở việc trên cơ sở hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại Tòa, xác định các tình tiết của vụ án, nhận thức đầy đủ quy định của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử lựa chọn mức hình phạt tù có thời hạn để áp dụng đối với người bị kết tội và ra phán quyết trong bản án kết tội về hình phạt đó.

2. Hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những kết quả tốt, vụ án được đưa ra xét xử đạt tỷ lệ cao, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không kết án oan người vô tội. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khác nhau như nhận thức, bất cập của bộ luật hình sự, hạn chế trong hướng dẫn áp dụng pháp luật...nên hoạt động áp dụng hình phạt tù có thời hạn vẫn còn những hạn chế, vướng mắc: Sai sót, vướng mắc trong xác định các tình tiết, chứng cứ của vụ án; quyết định hình phạt không đúng (quá nặng; quá nhẹ; cho hưởng án treo không đúng...); Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo không đúng, dẫn đến quyết định hình phạt cho hưởng án treo không đúng; Áp dụng hình phạt tù có thời hạn chưa công bằng, thiếu thống nhất. Điều này dẫn đến áp dụng hình phạt tù có thời hạn chưa đáp ứng được mục đích răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa.

3. Từ thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn của các tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, luận văn đã đưa ra các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng hình phạt tù có thời hạn, như: Yêu cầu cải cách tư pháp; thực

hiện chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa, giảm hình phạt tù, tăng cường các hình phạt không phải tù, thực hiện đường lối xử lý; đảm bảo quyền con người, kể cả của người bị kết tội. Yêu cầu thực hiện chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa không phải là yêu cầu mới nhưng đến hiện nay yêu cầu này mới được thể hiện rõ nét qua các quy định của bộ luật hình sự, tố tụng hình sự. Thực hiện được điều này sẽ giảm tải gánh nặng cho các cơ sở thực hiện việc thi hành án, cho xã hội và tạo cơ hội nhiều hơn cho người phạm tội xây dựng cuộc sống mà không cần phải cách ly khỏi gia đình, xã hội. Để đáp ứng được những yêu cầu đã nêu thì cần thực hiện các giải pháp như: Thay đổi nhận thức về chính sách hình sự hướng thiện, vai trò của hình phạt tù; tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự nhất là các quy định về hình phạt, tù có thời hạn, xây dựng và ban hành án lệ; tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổng kết rút kinh nghiệm áp dụng hình phạt tù có thời hạn; nâng cao chất lượng của Thẩm phán, Hội thẩm... Điều quan trọng trong số các giải pháp cần thực hiện ngay đó là việc thay đổi nhận thức. Nhận thức đầy đủ, đúng đắn về chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng phòng ngừa, mục đích hình phạt và vai trò hình phạt tù. Trên cơ sở thay đổi nhận thức, các quy định của Bộ luật hình sự sẽ tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp, đảm bảo quyền con người theo quy định của Hiến pháp.

Do khả năng và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của Luận văn không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Với tinh thần học hỏi và cầu thị, tác giả rất mong nhận được sự góp ý, trao đổi của quý thầy cô, các nhà khoa học để tác giả có thể hoàn thiện đề tài hơn nữa./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Beo (2012), *Luật hình sự Việt Nam phân các tội phạm*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP ngày 04/08/2000, hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999*.
5. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ- HĐTP ngày 17/4/2003, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1999*.
6. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004, hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*.
7. Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao (2015), *Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình công bố, lựa chọn và áp dụng án lệ*.
8. Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao (2017), *Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 07 năm 2017 Ban hành một số biểu mẫu trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Bộ luật tố tụng hình sự*,

9. Nguyễn Văn Hiện (2002), *Nâng cao chất lượng soạn thảo bản án hình sự một số yêu cầu cấp bách*, Tạp chí dân chủ pháp luật, số 04/2002.
10. Hoàng Văn Huyền (2016), “*Áp dụng hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*”, Luận văn thạc sĩ.
11. Phạm Hồng Hải (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
12. Đinh Tấn Long (2017): “*Áp dụng hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam*”, Luận văn thạc sĩ.
13. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động- xã hội, Hà Nội.
14. Võ Hồng Nam (2014), “*Hình phạt tù có thời hạn theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận văn thạc sĩ.
15. Cao Thị Oanh, Lê Văn Cẩm, Trần Văn Độ, *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, NXB Hà Nội, Giáo dục Việt Nam 2013.
16. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Hà Nội.
17. Quốc Hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
18. Quốc hội (2014); *Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13 ngày 24/11/2014*, Hà Nội.
19. Quốc Hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
20. Quốc Hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.
21. Quốc Hội (2015), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Hà Nội.
22. Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự, phân các tội phạm, các tội xâm phạm sở hữu*, 2003, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
23. Đinh Văn Quế (2000), *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. TAND thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh (2017), *Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2017/HSST ngày 23/01/2017*.

25. TAND thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2015), *Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2015/HSST ngày 12/08/2015.*
26. TAND thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2015), *Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2015/HSST ngày 07/08/2015.*
27. TAND thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh (2016), *Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 08/11/2016.*
28. TAND huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (2017), *Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 28-03-2017.*
29. TAND tỉnh Quảng Ninh (2016), *Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2016/HSST ngày 205/05/2016.*
30. TAND tỉnh Quảng Ninh (2013-2017), *Báo cáo tổng kết công tác hệ thống tòa án hai cấp tỉnh Quảng Ninh các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
31. TANDCC tại Hà Nội (2017), *Quyết định giám đốc thẩm hình sự số 98/2017/HS-GĐT ngày 28/04/2017.*
32. TAND tỉnh Quảng Ninh (2016), *Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2016/HSST ngày 02/03/2016.*
33. TAND thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (2017), *Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 02/08/2017.*
34. TAND tối cao (2017), *Văn bản số 155/TANDTC – PC ngày 28 tháng 07 năm 2017 về việc áp dụng thống nhất thể thức và kỹ thuật trình bày các văn bản tố tụng trong đó có bản án.*
35. Nguyễn Đức Tuấn (Chủ biên), *Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
36. Chu Thị Thu Trang (2009), *“Hoạt động áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ.
37. Ủy ban thường vụ quốc hội (2012), *Pháp lệnh Số: 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc sửa*

đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì người có công với cách mạng.

38. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội.
39. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb khoa học xã hội.
40. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về Định tội danh*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.